

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP.....	3
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	Error! Bookmark not defined.
1.1.2.Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3.Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	6
1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	14
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.	21
1.2.3.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	26
1.2.4.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.	31
1.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	34
1.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	37
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG.....	41
2.1.Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng.....	48
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển.	48
2.1.2.Tổ chức quản lý trong công ty.....	52
2.1.3.Công tác kế toán trong công ty.	56
2.2.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	62

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	62
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	73
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	82
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.	96
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	109
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	123
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG.....	139
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.....	139
3.1.1. Ưu điểm	140
3.1.2. Nhược điểm	142
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.	143
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	143
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	144
3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí....	144
KẾT LUẬN	158
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	128

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Bảng kết quả kinh doanh	50
Biểu số 2.2: Màn hình đăng nhập phần mềm kế toán IT - SOFT	60
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000323	65
Biểu số 2.4: Giao diện phần mềm lựa chọn lập Phiếu kế toán	66
Biểu số 2.5: Phiếu phân tích tài khoản 131	68
Biểu số 2.6: Sổ cái TK511	69
Biểu số 2.7: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng	71
Biểu số 2.8: Giao diện phần mềm lựa chọn lập Chứng từ ghi sổ	69
Biểu số 2.9: Chứng từ ghi sổ Q4/054/11.....	70
Biểu số 2.10: Màn hình giao diện thể hiện danh sách nghiệp vụ trong Chứng từ ghi sổ	Error! Bookmark not defined.
Biểu số 2.11: Giao diện phần mềm khi lập phiếu kế toán	76
Biểu số 2.12: Sổ cái TK 632	81
Biểu số 2.13: Chứng từ ghi sổ Q4/140/11.....	79
Biểu số 2.14: Hóa đơn tiền nước.....	85
Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi.....	87
Biểu số 2.16: Giấy báo Nợ	87
Biểu số 2.17: Sổ phụ ngân hàng.....	88
Biểu số 2.18: Giao diện phần mềm lựa chọn Giấy báo Nợ	89
Biểu số 2.19: Phiếu phân tích tài khoản 11211	91
Biểu số 2.20: Sổ cái TK 642	92
Biểu số 2.21: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng	94
Biểu số 2.22: Chứng từ ghi sổ Q4/151/11.....	92
Biểu số 2.23: Giao diện phần mềm khi lập phiếu kế toán	98
Biểu số 2.24: Sổ cái TK 515	101
Biểu số 2.25: Chứng từ ghi sổ Q4/126/11.....	99
Biểu số 2.26: Bảng tính lãi vay	102
Biểu số 2.27: Giao diện phần mềm khi lập Phiếu chi tiền mặt.....	103

Biểu số 2.28: Phiếu chi.....	104
Biểu số 2.29: Phiếu phân tích tài khoản.....	105
Biểu số 2.30: Sổ cái TK 635	106
Biểu số 2.31: Chứng từ ghi sổ Q4/149/11.....	106
Biểu số 2.32: Biên bản thanh lý	Error! Bookmark not defined.
Biểu số 2.33: Giao diện phần mềm lập phiếu kế toán	113
Biểu số 2.34: Sổ cái TK 811	116
Biểu số 2.35: Chứng từ ghi sổ Q4/052/11.....	114
Biểu số 2.36: Hóa đơn GTGT 0000411	118
Biểu số 2.37: Phiếu phân tích tài khoản.....	120
Biểu số 2.38: Sổ cái TK 711	121
Biểu số 2.39: Chứng từ ghi sổ Q4/054/11.....	121
Biểu số 2.40: Giao diện màn hình chọn bút toán kết chuyển tự động	125
Biểu số 2.41: Danh sách các bút toán kết chuyển trên phần mềm.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu số 2.42: Sổ cái TK 911	133
Biểu số 2.43: Sổ cái TK 421	135
Biểu số 2.44: Chứng từ ghi sổ Q4/185/11.....	126
Biểu số 2.45: Chứng từ ghi sổ Q4/186/11.....	126
Biểu số 2.46: Chứng từ ghi sổ Q4/187/11.....	127
Biểu số 2.47: Chứng từ ghi sổ Q4/188/11.....	127
Biểu số 2.48: Chứng từ ghi sổ Q4/189/11.....	128
Biểu số 2.49: Chứng từ ghi sổ Q4/190/11.....	128
Biểu số 2.50: Chứng từ ghi sổ Q4/190A/11.....	130
Biểu số 2.51: Chứng từ ghi sổ Q4/191/11.....	130
Biểu số 2.52: Chứng từ ghi sổ Q4/192/11.....	131
Biểu số 2.53: Chứng từ ghi sổ Q4/193/11.....	131
Biểu số 2.54: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.....	136
Biểu số 2.55: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	138
Biểu số 3.1: Mức chiết khấu thanh toán năm 2011.....	148
Biểu số 3.2: Tình hình biến động của doanh thu, chi phí và lợi nhuận	153

Biểu số 3.3: Phiếu giao nhận chứng từ 157

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1 – Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	17
<i>Sơ đồ 1.2 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	21
<i>Sơ đồ 1.3 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)</i>	25
<i>Sơ đồ 1.4 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)</i>	26
<i>Sơ đồ 1.5 – Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	30
<i>Sơ đồ 1.6 – Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính</i>	33
<i>Sơ đồ 1.7 – Kế toán thu nhập khác và chi phí khác</i>	36
<i>Sơ đồ 1.8 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	40
<i>Sơ đồ 2.1 – Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng</i>	53
<i>Sơ đồ 2.2 – Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty</i>	57
<i>Sơ đồ 2.3 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính</i>	59
<i>Biểu đồ 3.1 – Biểu đồ so sánh tình hình biến động của doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong 3 năm.</i>	Error! Bookmark not defined.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, loại hình doanh nghiệp chủ yếu tồn tại đó là doanh nghiệp nhà nước, chuyên sản xuất các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của nhân dân. Mục tiêu mà các doanh nghiệp này phấn đấu là hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và đảm bảo giá trị sử dụng của sản phẩm. Nhưng ngày nay, cơ chế thị trường phát triển, cạnh tranh ngày càng gay gắt, các loại hình doanh nghiệp tồn tại đa dạng và không chỉ hoạt động vì hai mục tiêu đó. Để các doanh nghiệp có thể tồn tại, phát triển và phát triển bền vững trên thị trường thì mục tiêu cốt yếu nhất là phải tạo ra giá trị lợi nhuận càng lớn càng tốt. doanh nghiệp đó dù là doanh nghiệp sản xuất hay doanh nghiệp thương mại thì đều cần chú trọng, quan tâm đến các biện pháp tác động đến chi phí và doanh thu bán hàng để nâng cao lợi nhuận. Họ luôn mong muốn chi phí là tối thiểu, doanh thu là tối đa, làm sao để doanh thu không những bù đắp được chi phí bỏ ra mà nó còn tạo ra lợi nhuận để tiếp tục tồn tại và phát triển.

Nhưng lợi nhuận đó được tính như thế nào, con số cụ thể là bao nhiêu thì lại phải thông qua một thao tác rất quan trọng nữa, đó là xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Công tác xác định kết quả kinh doanh này sẽ nhanh chóng cho chúng ta biết lãi kinh doanh trong kỳ là bao nhiêu, trên cơ sở đó ta tính được các khoản nghĩa vụ đóng góp đối với ngân sách Nhà nước, và cũng dựa vào số lãi đó để trang trải nợ, bổ sung nguồn vốn kinh doanh, để trích các quỹ trong doanh nghiệp...

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng, nhận thức được tầm quan trọng và hiểu sâu hơn về công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, em đã quyết định chọn đề tài “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của bài khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của thầy giáo Th.S Phạm Văn Tường cùng sự giúp đỡ của ban lãnh đạo Công ty và tập thể nhân viên phòng kế toán – tài chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Do còn hạn chế về kiến thức thực tế cũng như thời gian thực hiện nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2012.

Sinh viên

Đỗ Thị Thúy Hồng

CHƯƠNG I:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp*****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Trong bất kỳ giai đoạn nào của nền kinh tế thị trường, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả cao, đồng thời xem xét, phân tích những mặt nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để có thể tổ chức công tác kế toán thật hợp lý và phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, là nguồn vốn để tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra

những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cuối cùng, doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra. Xác định đúng kết quả sản xuất kinh doanh giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu trình sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

➤ Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng giá trị hàng hóa bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

➤ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,...đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí, từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu gồm có:

a) Doanh thu bán hàng

➤ Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: đây là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp; sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.

- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận thanh toán: theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán 1 phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu, doanh thu được ghi nhận.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- Tiêu thụ theo phương thức đại lý: là phương thức mà bên bán chuyển hàng cho bên nhận đại lý, khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi, doanh thu và giá vốn của hàng bán được ghi nhận.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

c) Doanh thu tiêu thụ nội bộ:

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

d) Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ hoạt động góp vốn.

e) Thu nhập khác:

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước.

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.

- Các khoản thu khác.

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên

tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Hàng bán bị trả lại: giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu:

+ Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Vì vậy, số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ phải tương ứng với doanh thu đã xác định.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp sản xuất các loại sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

+ Thuế xuất khẩu cũng được coi là một khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh thu của hàng hóa xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

1.1.3.3. Chi phí

Chi phí là khái niệm dung để chỉ các khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong một thời kỳ nhất định.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thường phát sinh các chi phí như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí cho hoạt động tài chính và chi phí cho các hoạt động khác... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

a) Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

a) Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí bảo hành
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

b) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

c) Chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính của các doanh nghiệp gồm:

- Chi phí hoặc khoản lỗ từ đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay, lãi từ việc vay vốn
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái,...

d) Chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác.

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả đạt được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.

- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng

❖ ***TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Tài khoản 511 sử dụng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ tài khoản 511 phản ánh:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có tài khoản 511 phản ánh:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tùy vào hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu, mỗi doanh nghiệp sẽ xây dựng chi tiết các tài khoản cấp 2 cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ ***Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ***

Tài khoản 512 dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính. Doanh thu bán hàng nội bộ được ghi nhận theo giá bán nội bộ.

➤ Bên Nợ tài khoản phản ánh

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có tài khoản phản ánh

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

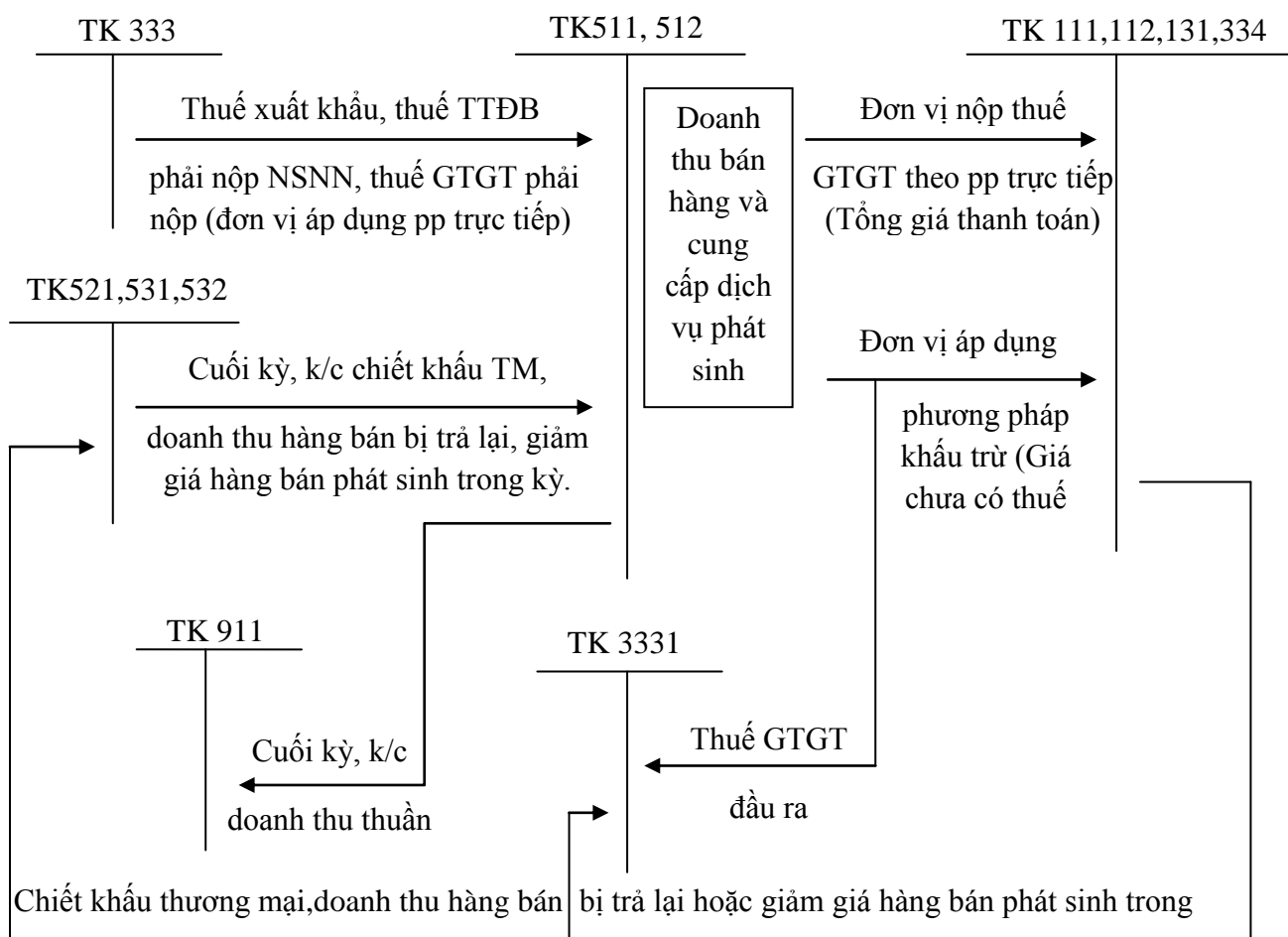
➤ Tài khoản 512 không có số dư

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123; Doanh thu cung cấp dịch vụ

b) Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch, doanh thu nội bộ được khái quát bằng sơ đồ 1.1 dưới đây:



Sơ đồ 1.1 – Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a) Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng

❖ **TK521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua. Khách hàng sẽ được hưởng khoản chiết khấu thương mại khi họ đã mua hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ với số lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại đã được ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

➤ Bên Nợ tài khoản 521 phản ánh:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên Có tài khoản 521 phản ánh:

Kết chuyển giá trị toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ” vào cuối kỳ để từ đó xác định doanh thuần của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 531: Hàng bán bị trả lại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại trong kỳ. Đơn giá của hàng bán bị trả lại được tính đúng bằng đơn

giá ghi trên hóa đơn bán hàng. Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại sẽ được tính vào TK641 – “ Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ tài khoản phản ánh:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ Bên Có tài khoản phản ánh:

Kết chuyển toàn bộ doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ” vào cuối kỳ để từ đó xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK532: Giảm giá hàng bán**

Tài khoản 532 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ. Tài khoản này chỉ sử dụng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng hóa kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ tài khoản 532 phản ánh:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ Bên Có tài khoản phản ánh:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK512 – “ Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ TK 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.**

Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt – Tài khoản 3332*

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

- Thuế xuất khẩu – Tài khoản 3333:

Thuế xuất khẩu được đánh vào một số các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

$$\text{Thuế xuất khẩu phải nộp} = \text{Giá tính thuế xuất khẩu} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

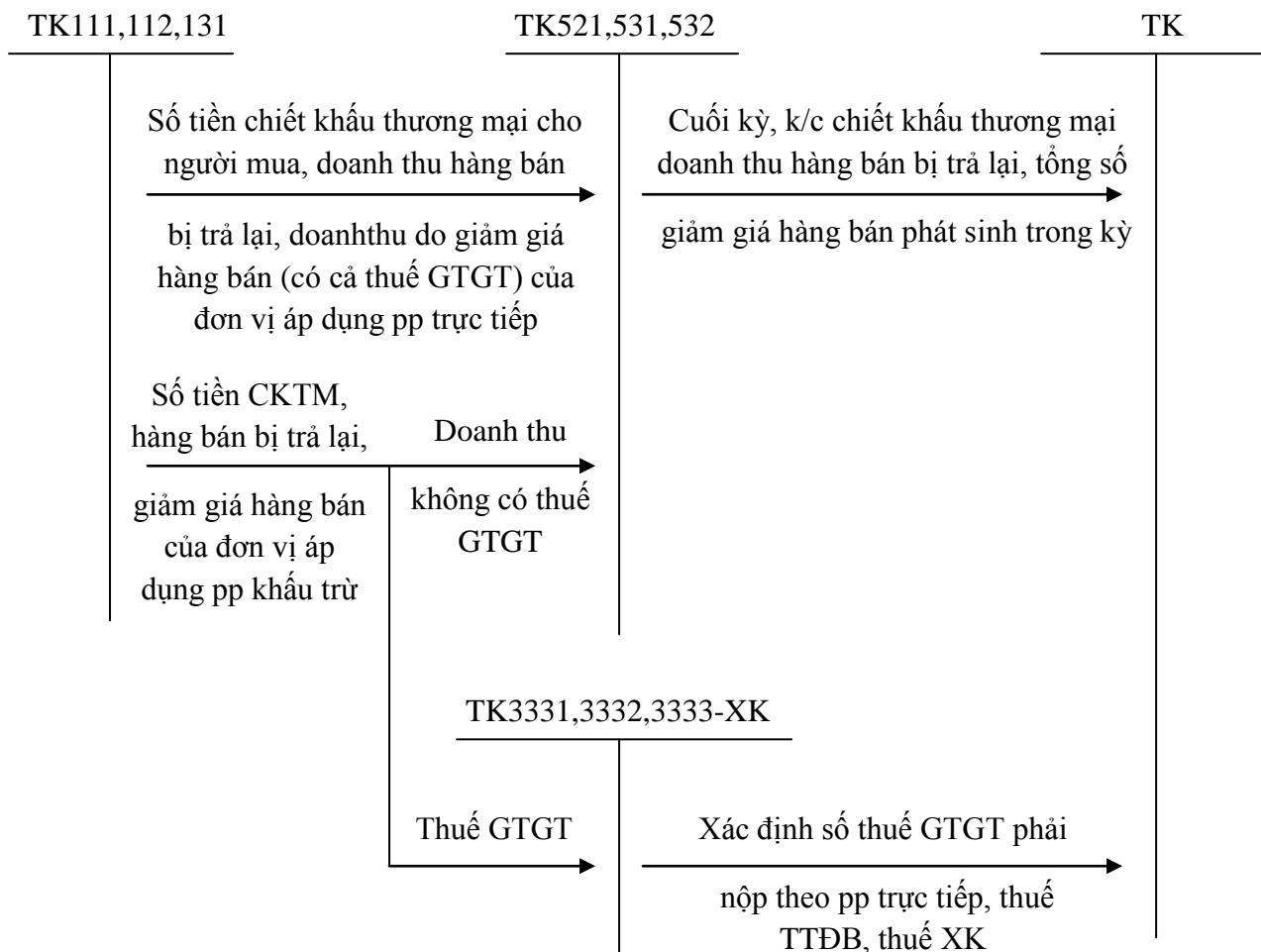
- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp – Tài khoản 3331:

Thuế GTGT của các doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{Giá tính thuế GTGT} \times \text{Thuế suất thuế GTGT}$$

c) Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2 dưới đây.



Sơ đồ 1.2 – Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.

Sử dụng tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán” để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí thanh lý, bất động sản đầu tư.

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu tài khoản 632 như sau:

➤ Bên Nợ tài khoản phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Đối với hoạt động bất động sản đầu tư, phản ánh:
 - + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
 - + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.
 - + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ.
 - + Giá trị còn lại và các chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư trong kỳ.
 - + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự chế hoàn chỉnh.

➤ Bên Có tài khoản phản ánh:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.
- Có bốn phương pháp để tính giá vốn hàng xuất kho:

• *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại sau mỗi lần nhập.

• *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng

hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).*

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

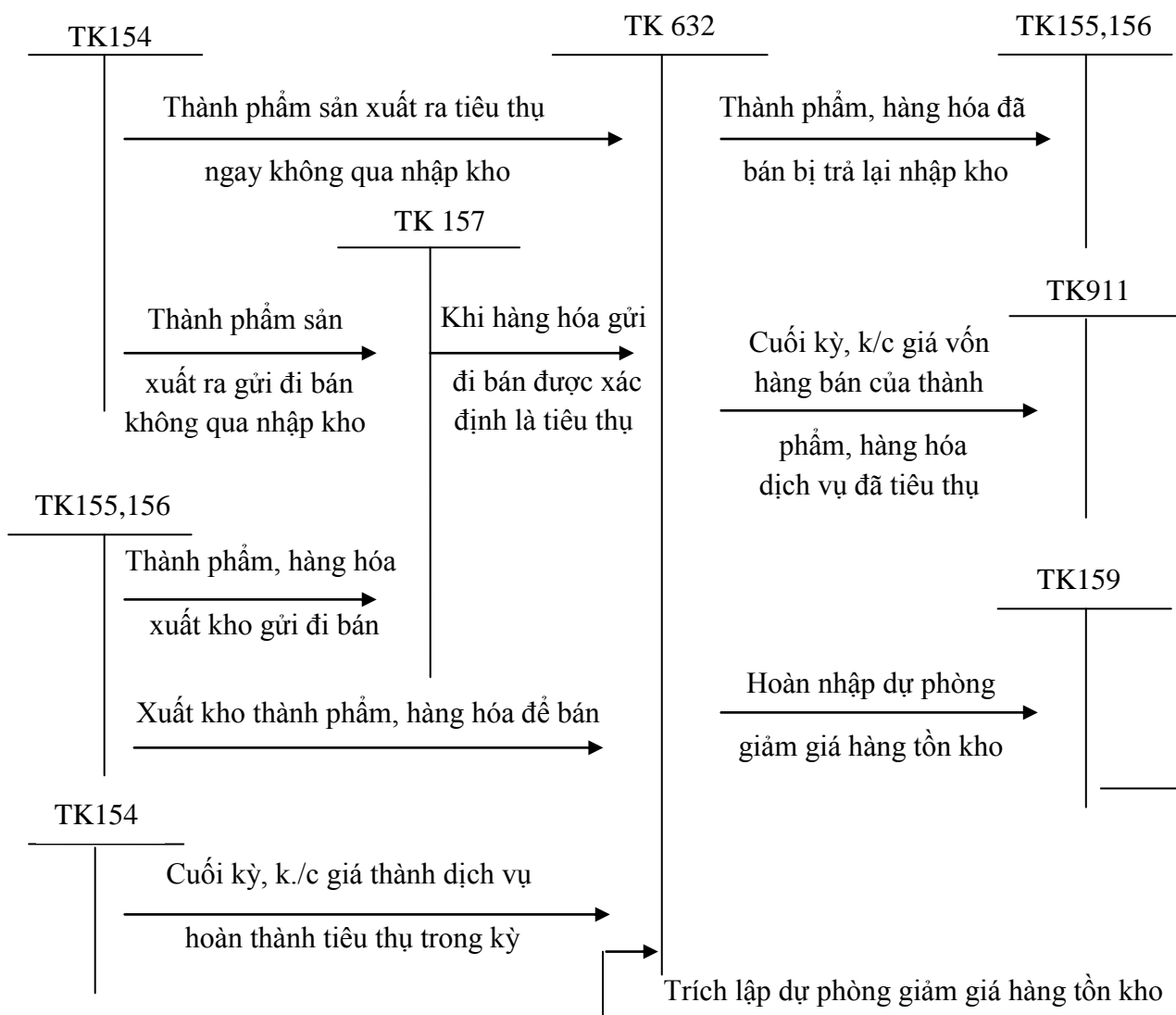
- *Phương pháp thực tế đích danh.*

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

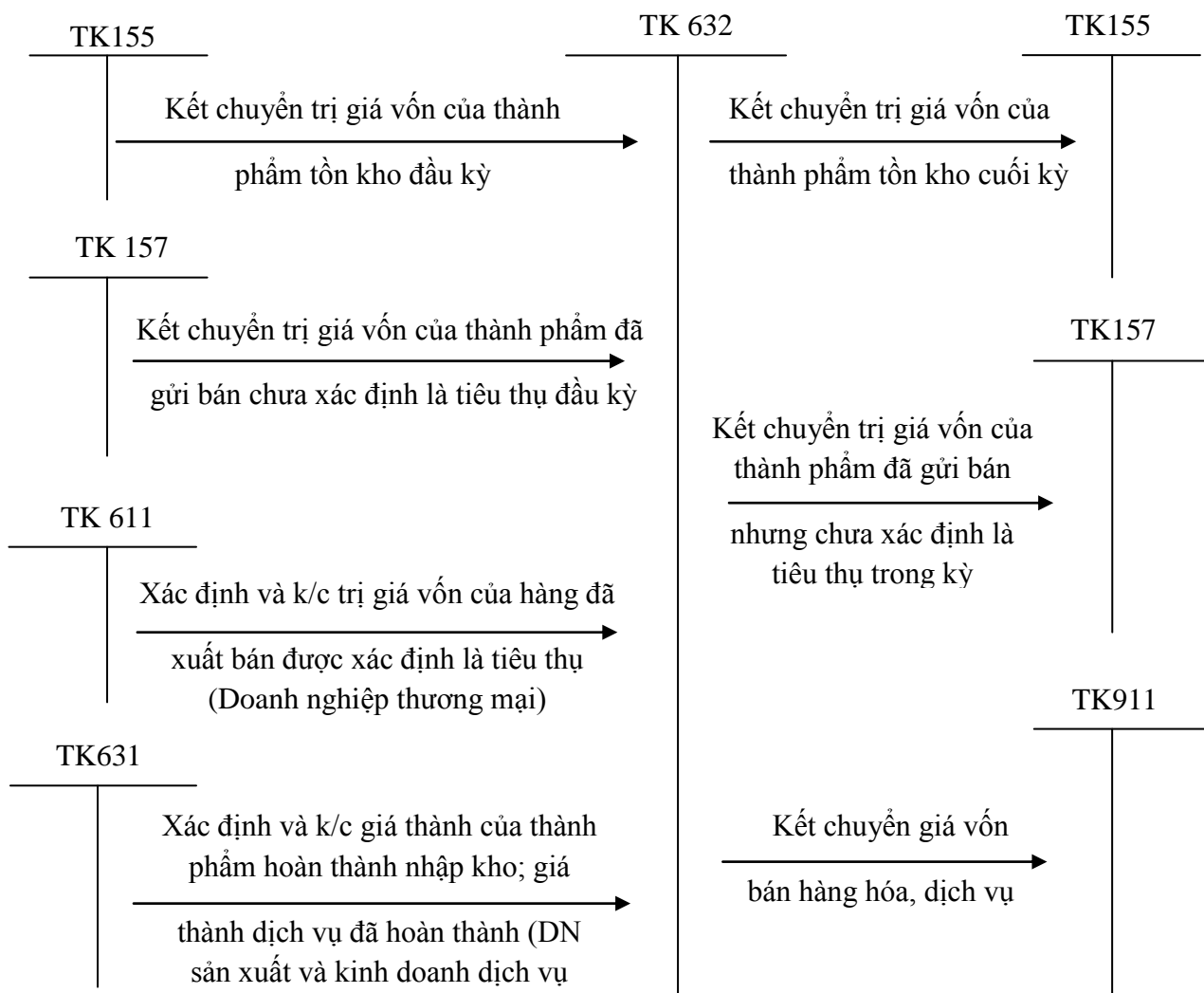
Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán còn sử dụng TK631 – “Giá thành sản xuất” và TK611 – “Mua hàng”.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát bằng sơ đồ 1.3 và sơ đồ 1.4 dưới đây.



Sơ đồ 1.3 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.4 – Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường.
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.

❖ **TK641: Chi phí bán hàng.**

TK này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. TK641 có kết cấu:

➤ Bên Nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

➤ Bên Có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ TK641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:

- TK6411: Chi phí nhân viên mua hàng.

- TK6412: Chi phí vật liệu bao bì.

- TK6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng.

- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng.

- TK6415: Chi phí bảo hành sản phẩm.

- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- TK6418: Chi phí khác bằng tiền.

❖ **TK642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

TK này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán. Tài khoản 642 có kết cấu:

➤ Bên Nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

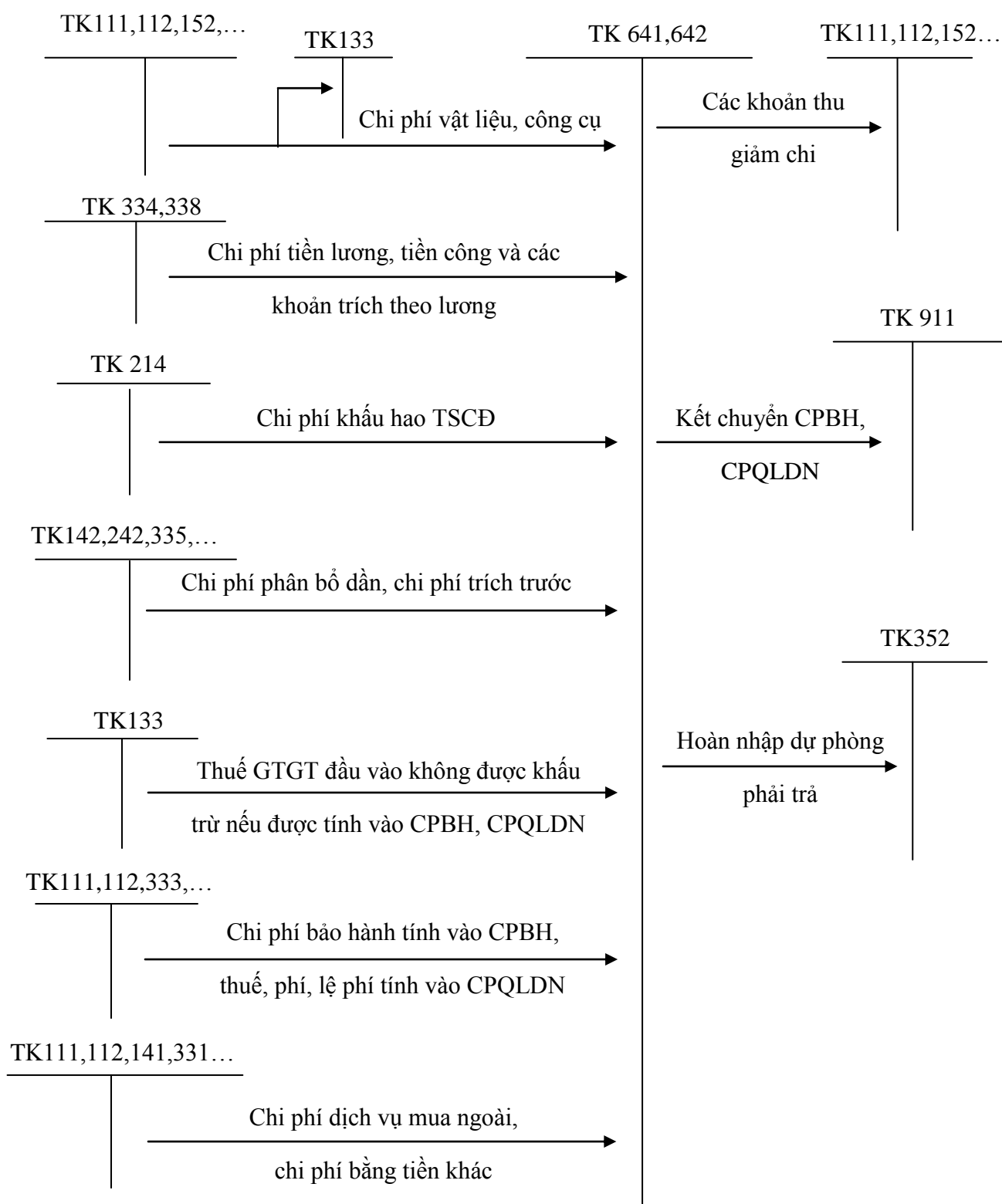
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ TK642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2:

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK6425: Thuế, phí, lệ phí.
- TK6426: Chi phí dự phòng.
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK6428: Chi phí khác bằng tiền.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được hạch toán bằng sơ đồ 1.5 dưới đây.



Sơ đồ 1.5 – Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**❖ TK515: Doanh thu tài chính.**

Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ phản ánh:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có phản ánh:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng.
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - Lãi tỷ giá đối hoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
 - Lãi tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
- TK515 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK635: Chi phí tài chính.

Dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ phản ánh:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục

tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động

đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

➤ Bên có phản ánh:

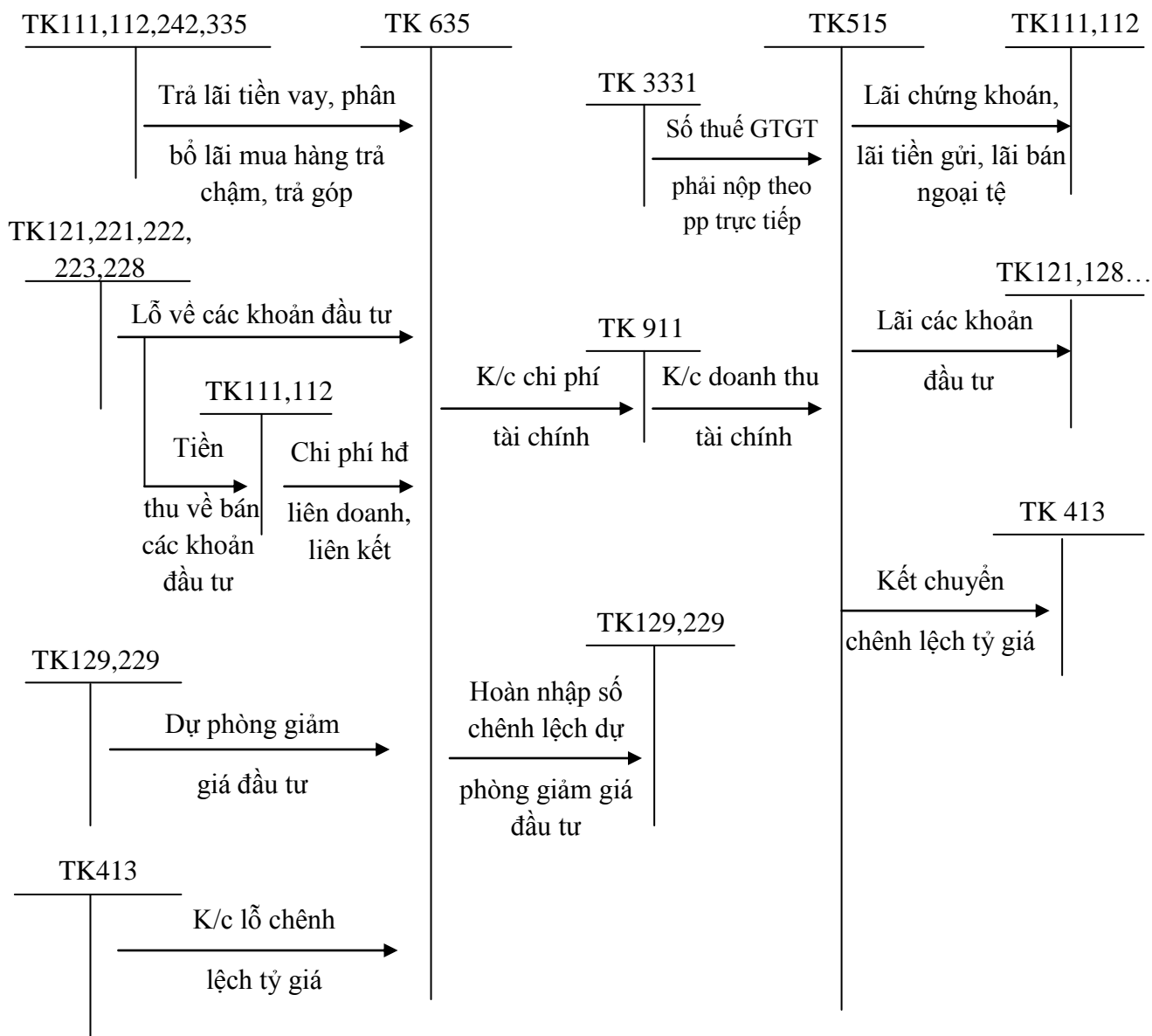
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong

kỳ sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ TK635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6 dưới đây.



Sơ đồ 1.6 – Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK711: Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên nợ phản ánh:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có phản ánh:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ,

➤ TK711 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK811: Chi phí khác.

Tài khoản 811 dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ phản ánh:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

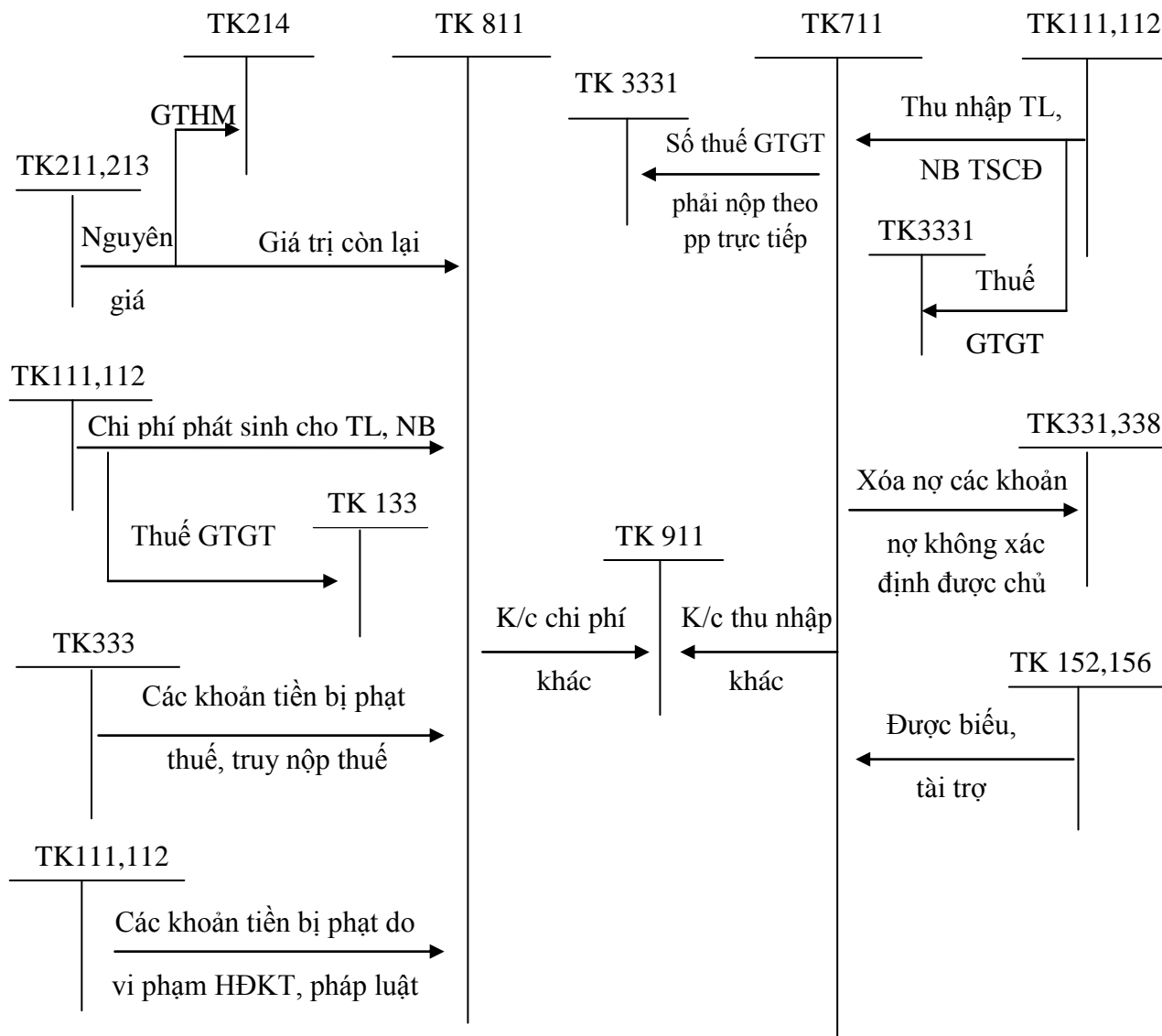
➤ Bên Có phản ánh:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ TK811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7 dưới đây.



Sơ đồ 1.7 – Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.

❖ TK911: Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

➤ Bên Có phản ánh:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

- TK911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí

thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên Nợ phản ánh:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên Có phản ánh:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ TK821 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK821 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ **TK421: Lợi nhuận chưa phân phối.**

Tài khoản 421 dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ phản ánh:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ Bên Có phản ánh:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

➤ Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

➤ Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

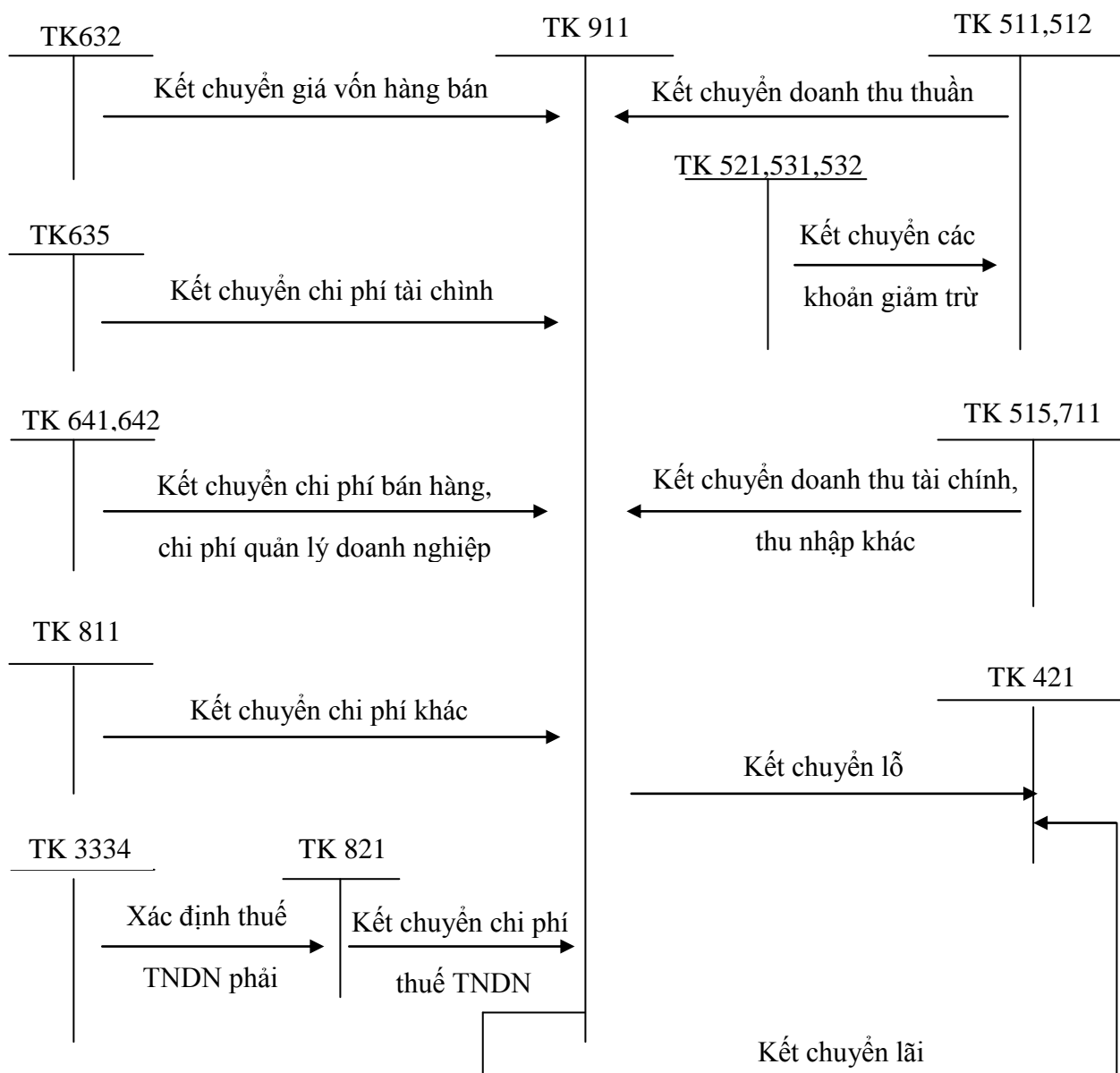
➤ TK421 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

- TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8 dưới đây.



Sơ đồ 1.8 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

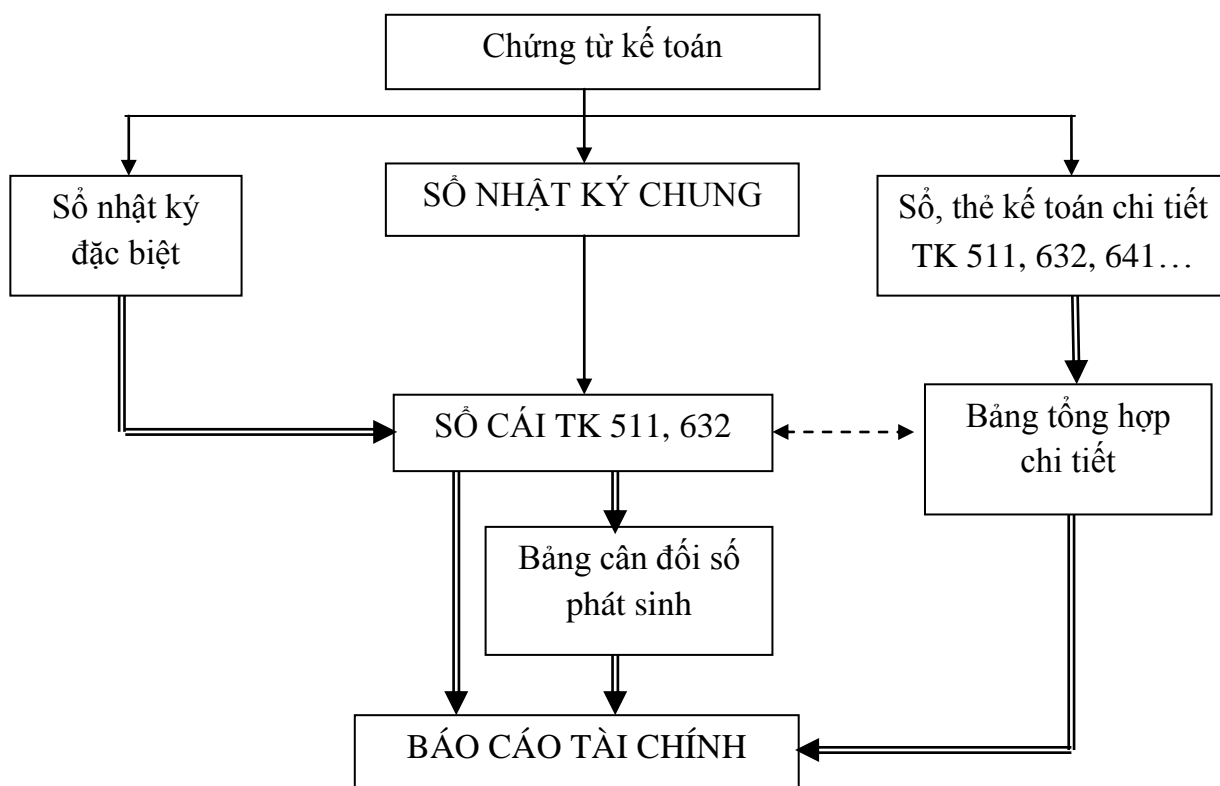
1.2.7. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.7.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

➤ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

<- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

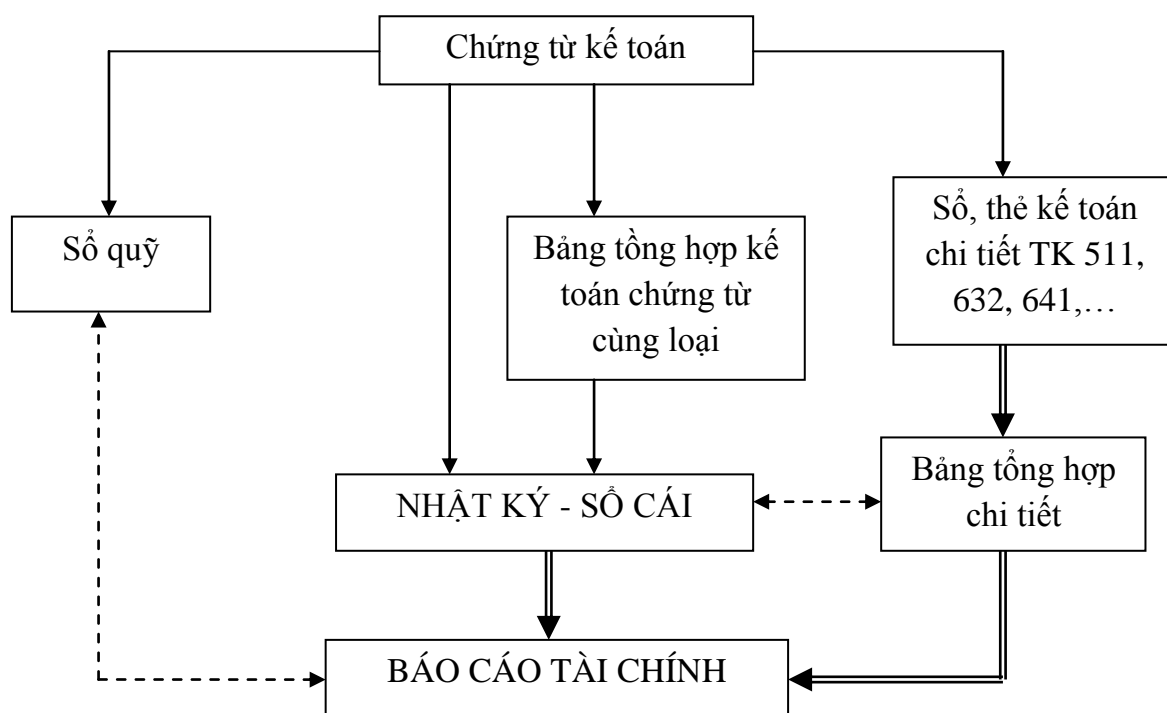
Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

1.2.7.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

➤ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối kỳ

<- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.2.7.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

➤ Đặc trưng cơ bản:

• Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

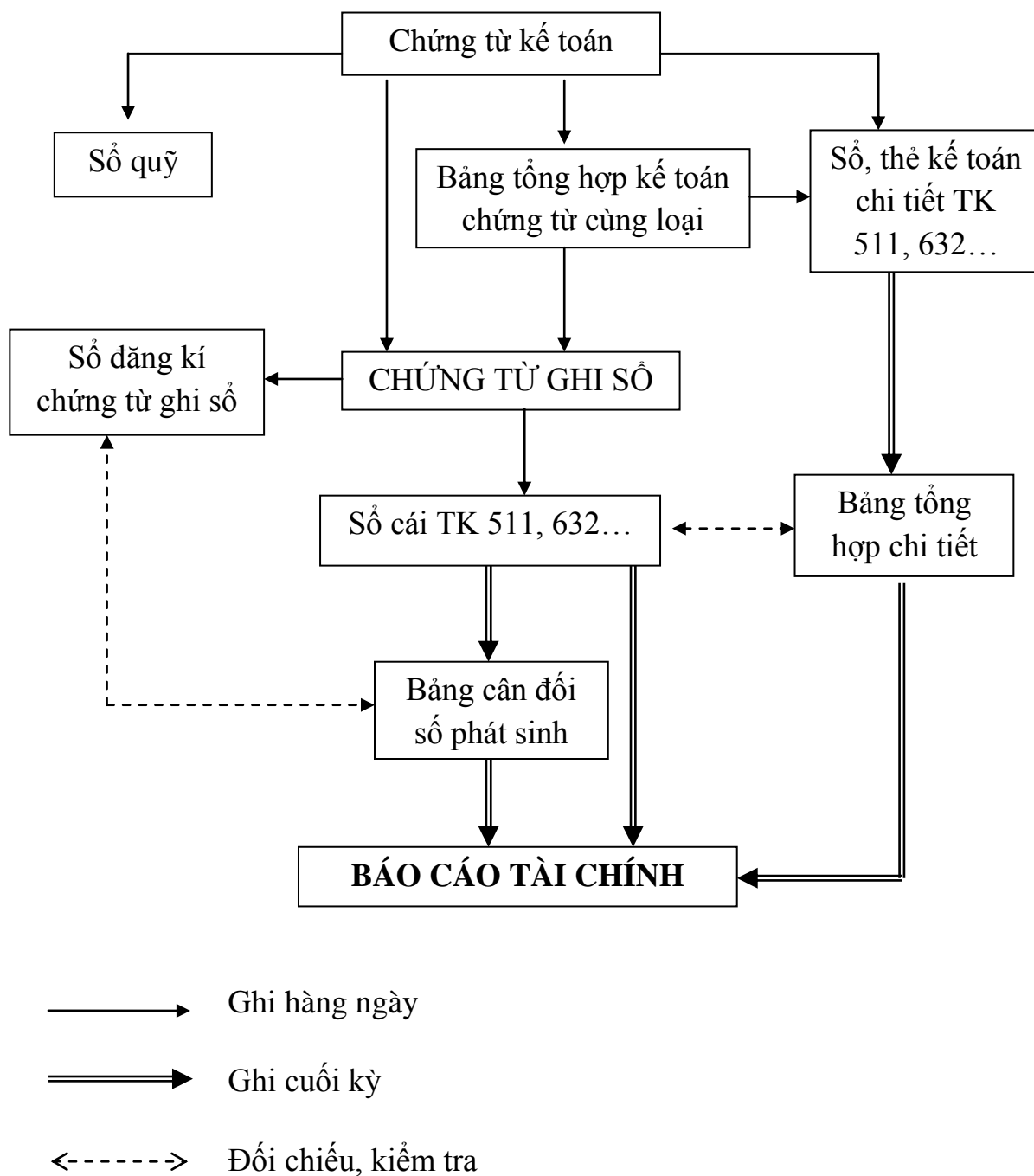
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

• Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

• Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

➤ Các loại sổ chủ yếu

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.2.7.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Đặc trưng cơ bản:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

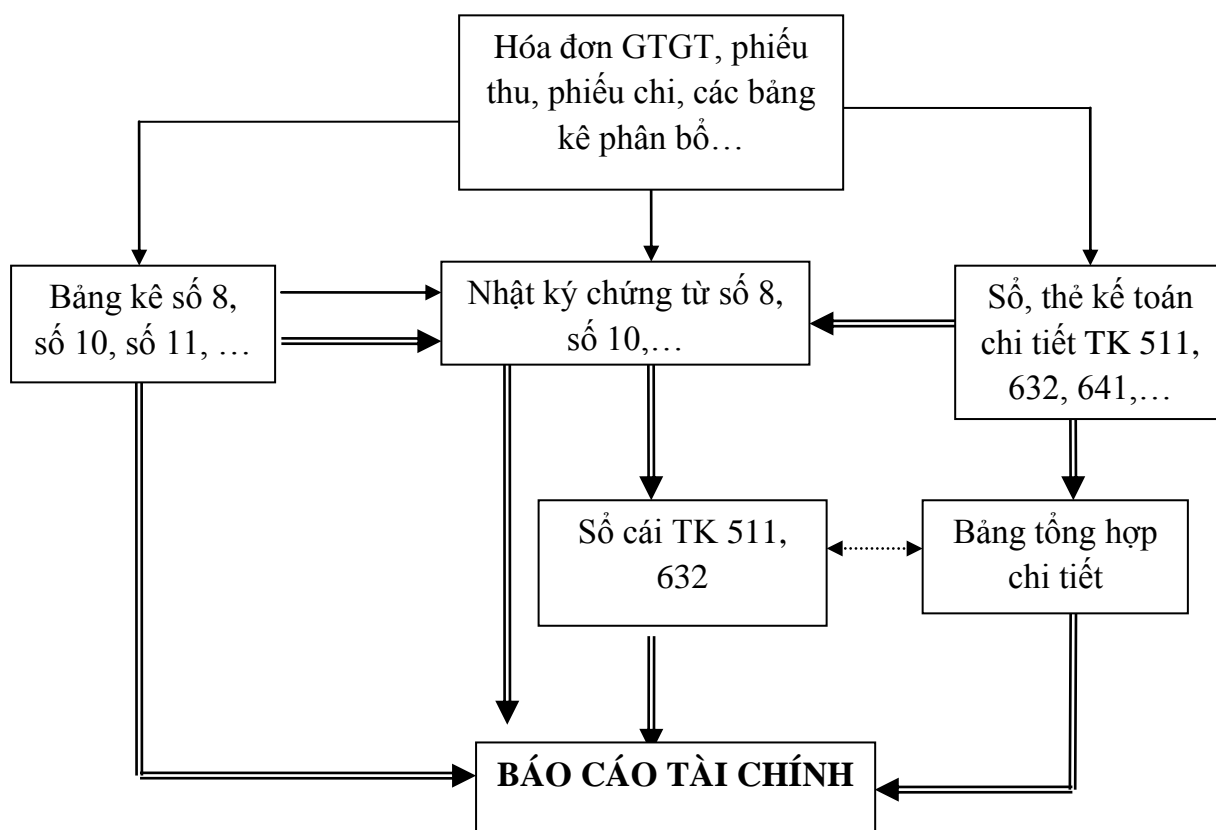
- Kết hợp chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



—————> Ghi hàng ngày

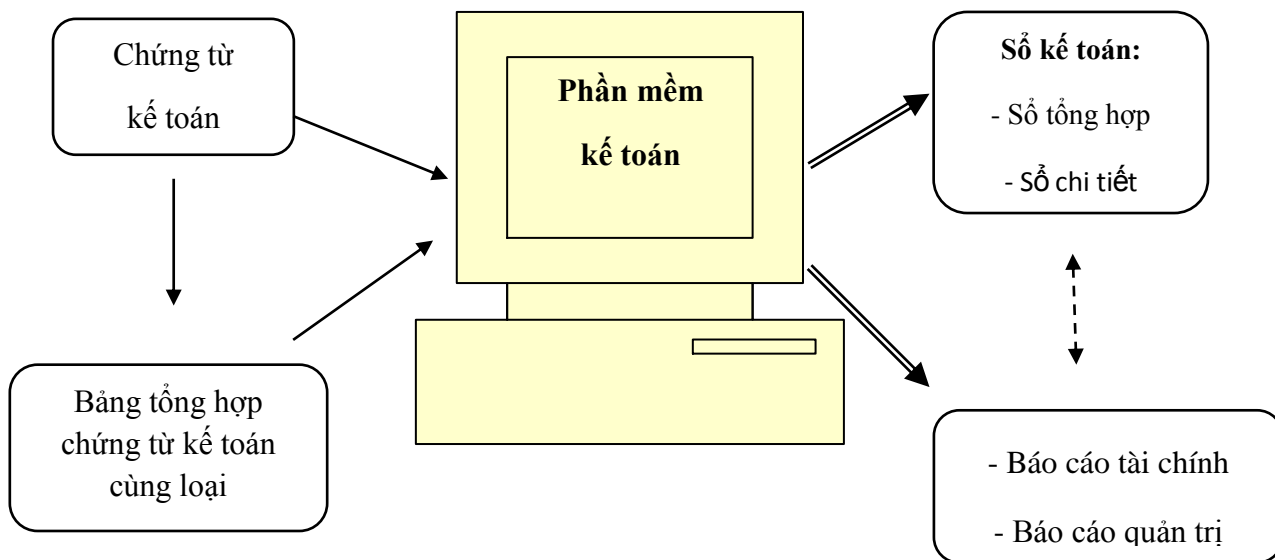
=====> Ghi cuối kỳ

<- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.12 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

1.2.7.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- Các loại sổ chủ yếu: phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.



- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

2.1.1.1. Thông tin chung.

- Tên doanh nghiệp:
 - + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng.
 - + Tên tiếng Anh: HAI PHONG ELECTRIC CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
 - + Tên viết tắt: HECICO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.
- Số đăng ký kinh doanh: 0203001207 cấp ngày 04/01/2005 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200171429
- Số điện thoại: (031) 3876424
- Fax: (031) 3876525
- Email: HECICO@hn.vnn.vn
- Số tài khoản: 32110000000425 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Phòng.
- Các công ty con:
 - + Công ty TNHH một thành viên tự động hóa HECICO.
 - Đ/c: Số 41/142 đường Trường Trinh, phường Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng.
 - + Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ HECICO

Đ/c: Số 1 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng.

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Điện lực Hải Phòng – thành lập theo quyết định số 1499 QĐ/TCCQ ngày 31/07/1976 của UBND thành phố Hải Phòng, được thành lập lại Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Xây lắp điện Hải Phòng theo quyết định số 144 QĐ/TCCQ ngày 20/01/1993 của UBND thành phố Hải Phòng, trực thuộc Sở Giao thông công chính Hải Phòng và được chuyển đổi cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng theo quyết định số 3629/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2004 của UBND thành phố Hải Phòng.

Căn cứ giấy phép kinh doanh số 0203001207 cấp ngày 04/01/2005, một số ngành nghề kinh doanh chủ đạo của công ty gồm:

- Tư vấn đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công các công trình điện đến cấp điện áp 35kV
- Thi công xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 220kV và từng phần của đường dây 500kV
- Thi công, lắp đặt hệ thống điện lực, điện chiếu sáng công cộng, điện tự động hóa, tín hiệu, điều khiển, báo cháy, phòng chống cháy nổ
- Thí nghiệm thiết bị điện, kiểm định đo lường công tơ điện các loại, đo điện trở tiếp đất
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và xây dựng cơ sở hạ tầng khác, san lấp mặt bằng
- Quản lý kinh doanh bán điện
- Quản lý vận hành các trạm phát điện và quản lý vận hành lưới điện phân phối có điện áp đến 35kV

Từ khi thành lập tới nay, công ty đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt, đổi mới công nghệ và trang thiết bị, mở rộng nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

a, Về lĩnh vực xây lắp công trình điện.

Doanh nghiệp tham gia xây lắp các công trình điện phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng, giao thông vận tải, du lịch, điện chiếu sáng công cộng, điện dân dụng...trên địa bàn thành phố cũng như các tỉnh bạn.

Đặc biệt năm 2000, công ty đã thiết kế thi công hệ thống điện chiếu sáng và tín hiệu giao thông tại thủ đô ViênChan nước CHDCND Lào.

b, Về lĩnh vực công trình xây dựng.

Công ty đã trực tiếp thi công nhiều công trình xây dựng trong Thành phố Hải Phòng như: Nhà máy phát điện Diezen cảng Chùa Vẽ; Trung tâm điều hành điện, trạm biến áp và hệ thống mạng ở đảo Bạch Long Vĩ...

c, Về lĩnh vực tư vấn, thiết kế và giám sát thi công.

Công ty có đội ngũ kỹ sư có đủ năng lực, giàu kinh nghiệm chuyên tư vấn, thiết kế và giám sát thi công các công trình điện. Lĩnh vực tư vấn được mở rộng đạt kết quả cao, được bạn hàng tín nhiệm.

Biểu số 2.1: Bảng kết quả kinh doanh

Bảng kết quả kinh doanh trong 3 năm 2009 - 2011

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1. Tổng doanh thu	108.855.285.646	150.698.186.834	214.364.844.319
2. Tổng chi phí	107.182.180.659	148.860.892.816	212.334.369.515
3.Lợi nhuận trước thuế	1.673.104.978	1.837.294.018	2.030.474.804
4. Nộp ngân sách	292.793.371	321.526.453	355.270.929
5.Lợi nhuận sau thuế	1.380.311.607	1.515.767.565	1.675.203.875

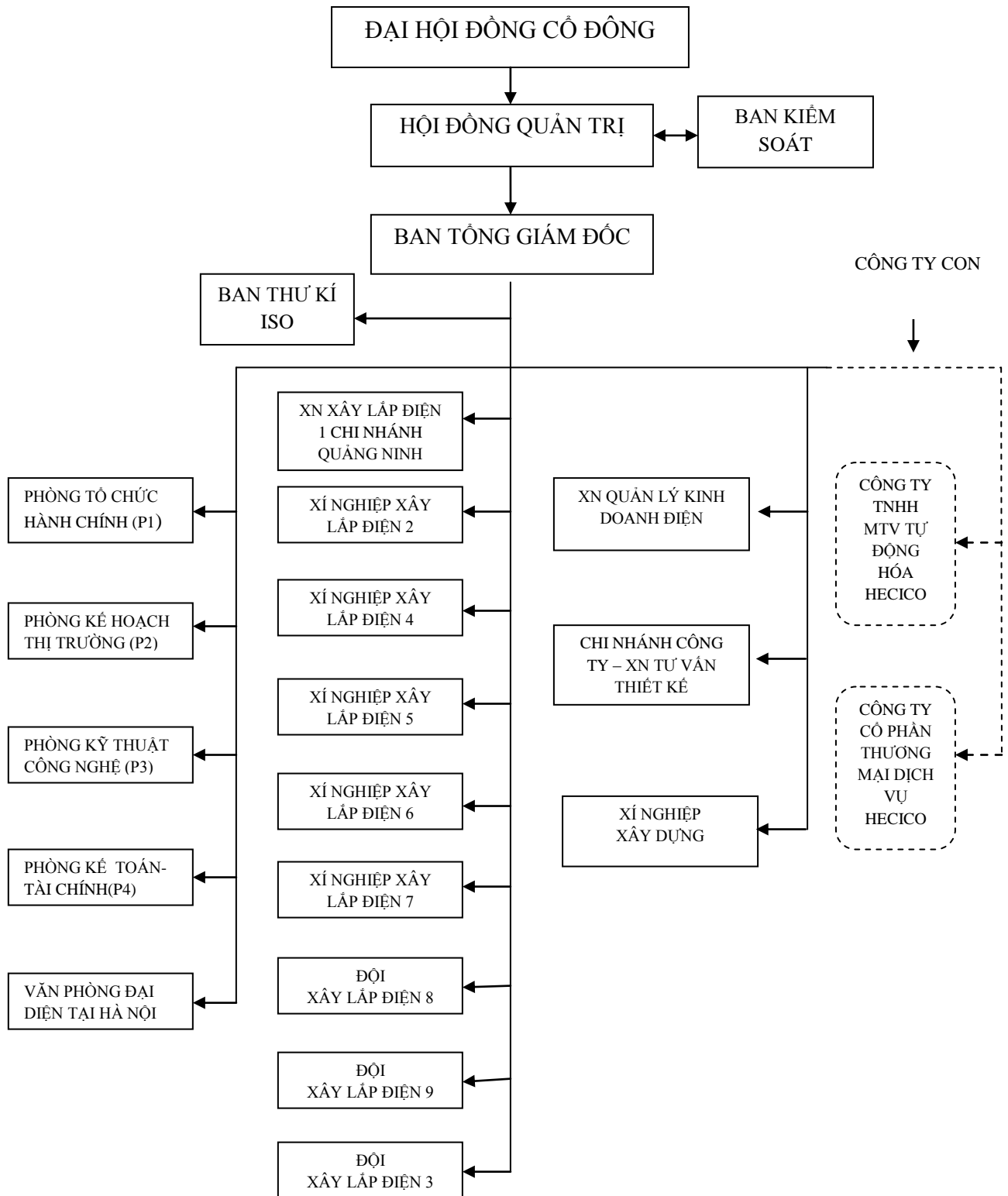
Năm 1997 Công ty vinh dự được trao tặng Huân chương lao động hạng nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong công cuộc xây dựng đất nước giai đoạn 1992 – 1996.

Năm 2001, một lần nữa công ty lại được trao tặng Huân chương lao động hạng nhất vì đã có thành tích xuất sắc trong công cuộc xây dựng đất nước giai đoạn 1996 – 2000. Ngoài ra công ty còn vinh dự nhận được một số danh hiệu

khác vì có đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước và góp phần phát triển kinh tế.

2.1.2. Tổ chức quản lý trong công ty.

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức.



Sơ đồ 2.1 – Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng

2.1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.

a, Đại hội đồng cổ đông.

- Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, thông qua định hướng phát triển của công ty, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, quyết định về cổ phần và cổ tức của các cổ đông. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát nếu gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông.

b, Hội đồng quản trị

- Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Là cơ quan quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; quyết định các phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định; quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản...

- Là cơ quan trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

c, Ban tổng giám đốc.

Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty. Trực tiếp quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

d, Ban thư ký ISO.

- Giám sát việc thực hiện quy trình của tất cả các bộ phận, phòng ban trong toàn công ty.

- Tham mưu cho lãnh đạo trong hoạch định, thiết lập, phổ biến, triển khai chính sách chiến lược, mục tiêu chiến lược của công ty và các bộ phận chức năng, các hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng đến các đơn vị, bộ phận chức năng liên quan...

- Theo dõi tiến độ triển khai, kết quả thực hiện, tìm nguyên nhân và đề xuất hoạt động điều chỉnh, khắc phục, phòng ngừa phù hợp, kịp thời...

e, Ban kiểm soát.

- Kiểm soát, giám sát mọi hoạt động trong doanh nghiệp trong đó có việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của công ty, trình báo cáo đó lên Đại hội đồng cổ đông.

f, Phòng Tổ chức – Hành chính.

- Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng. kỷ luật trong doanh nghiệp.

- Thực hiện công tác hành chính, thông tin tổng hợp, lễ nghi, khánh tiết, công tác văn thư lưu trữ...

g, Phòng Kế hoạch – Thị trường.

- Có nhiệm vụ lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để thực hiện các mục tiêu của toàn công ty.

- Xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh; tổ chức hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường, đa dạng hóa hình thức dịch vụ, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh làm tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

h, Phòng Kế toán – Tài chính.

- Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật.

- Lập và quản lý các sổ kế toán theo quy định của chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

- Lập, trình ký và chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

- Quản lý, sử dụng và bảo mật chương trình phần mềm kế toán.

- Chấp hành, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện, tổng hợp và đề xuất những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong những quy định về chế độ tài chính, công tác thanh toán và kế toán, thống kê.

- Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

i, Phòng Kỹ thuật công nghệ.

- Chịu trách nhiệm về kỹ thuật, thiết kế, nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.

- Kiểm tra, giám sát việc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho các công trình do các xí nghiệp thi công.

- Tham mưu, tư vấn về vấn đề kỹ thuật, công nghệ cho các cấp lãnh đạo.

j, Các Xí nghiệp xây lắp điện, Chi nhánh công ty và Công ty con.

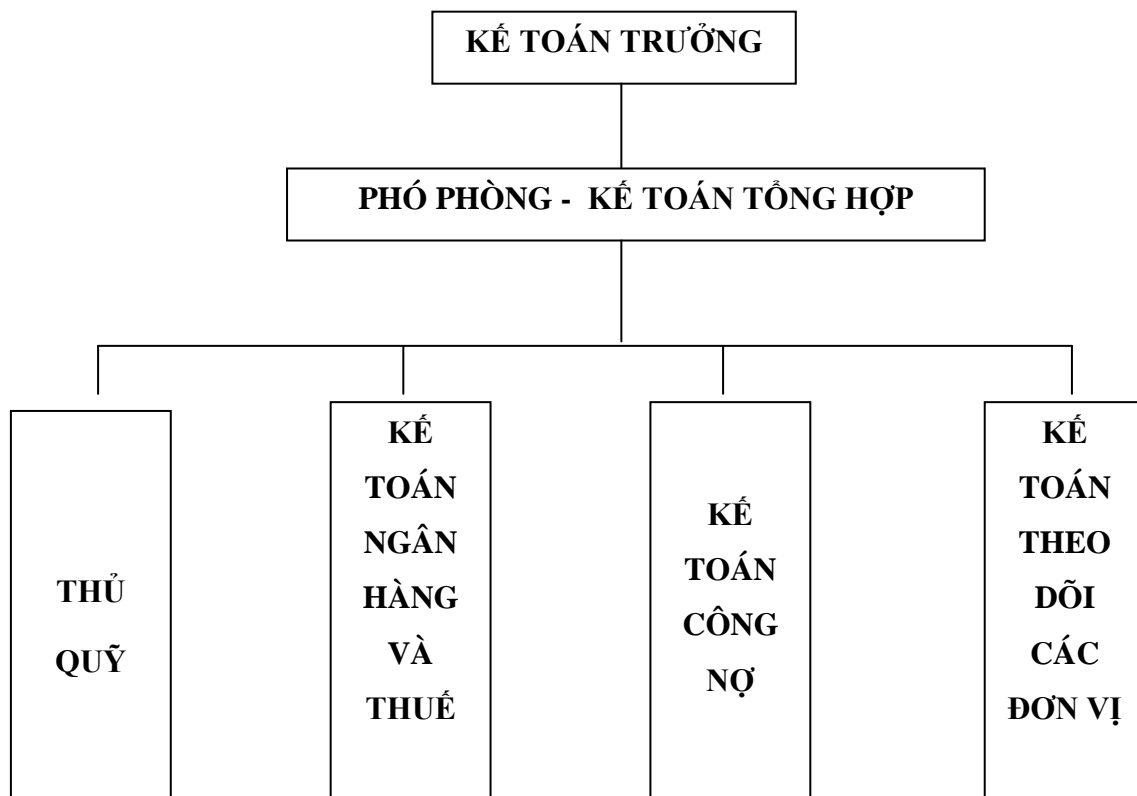
- Đây là bộ phận trực tiếp sản xuất ra sản phẩm cho công ty. Mỗi xí nghiệp, Chi nhánh, Công ty con đều có bộ phận quản lý riêng.

- Trực tiếp chịu trách nhiệm sản xuất theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ của mình.

- Chịu sự quản lý của cấp cao hơn, thực hiện theo đúng mục tiêu và các chiến lược mà công ty đã đề ra.

2.1.3. Công tác kế toán trong công ty.

2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2 – Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Hiện nay công ty thực hiện hạch toán sản xuất kinh doanh tập trung theo cách thức: công ty có phòng kế toán trung tâm bao gồm các bộ phận cơ cấu phù hợp với các khâu công việc, các phần hành kế toán, thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty. Các nhân viên kế toán và nhân viên kinh tế ở từng bộ phận phụ thuộc công ty làm nhiệm vụ thu nhận, kiểm tra sơ bộ chứng từ phản ánh các nhiệm vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động của bộ phận đó và sau đó gửi các chứng từ kế toán đó lên phòng kế toán của công ty.

Phòng kế toán của công ty gồm có 6 người: Trưởng phòng kế toán; Phó phòng kiêm kế toán tổng hợp; Thủ quỹ; Kế toán ngân hàng và thuế; Kế toán công nợ; Kế toán theo dõi các đơn vị.

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi vị trí như sau:

- Kế toán trưởng: tổ chức xây dựng bộ máy kế toán toàn công ty, tổ chức hạch toán kế toán, phân công và hướng dẫn nghiệp vụ cho các nhân viên phòng kế toán.

- Phó phòng kiêm kế toán tổng hợp: tập hợp và phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh, tính giá thành của từng công trình, hạng mục công trình, từng đơn vị và toàn công ty.

- Thủ quỹ: nhập tiền vào quỹ và xuất tiền theo chứng từ thu chi, xác định tồn quỹ, tình hình thu chi tiền mặt. Thực hiện trả lương, tạm ứng, thanh toán các chi phí phục vụ cho sản xuất và công tác của cơ quan, đội, tổ; thực hiện mua bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên. Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển vật tư cả về giá trị và hiện vật.

- Kế toán ngân hàng và thuế: thực hiện các công việc với ngân hàng mà công ty giao dịch, theo dõi tình hình các loại tài sản cố định, tính khấu hao tài sản cố định của công ty và các đơn vị, kiểm tra việc tập hợp chứng từ của kế toán đơn vị theo dõi, ghi sổ phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi các khoản thuế phát sinh tại công ty.

- Kế toán công nợ: theo dõi và thanh toán các khoản nợ phải thu và nợ phải trả của công ty.

- Kế toán theo dõi các đơn vị: theo dõi việc tập hợp chứng từ của kế toán các đơn vị, vào sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hàng tháng đối chiếu số dư giữa công ty và các đơn vị trực thuộc phải khớp đúng.

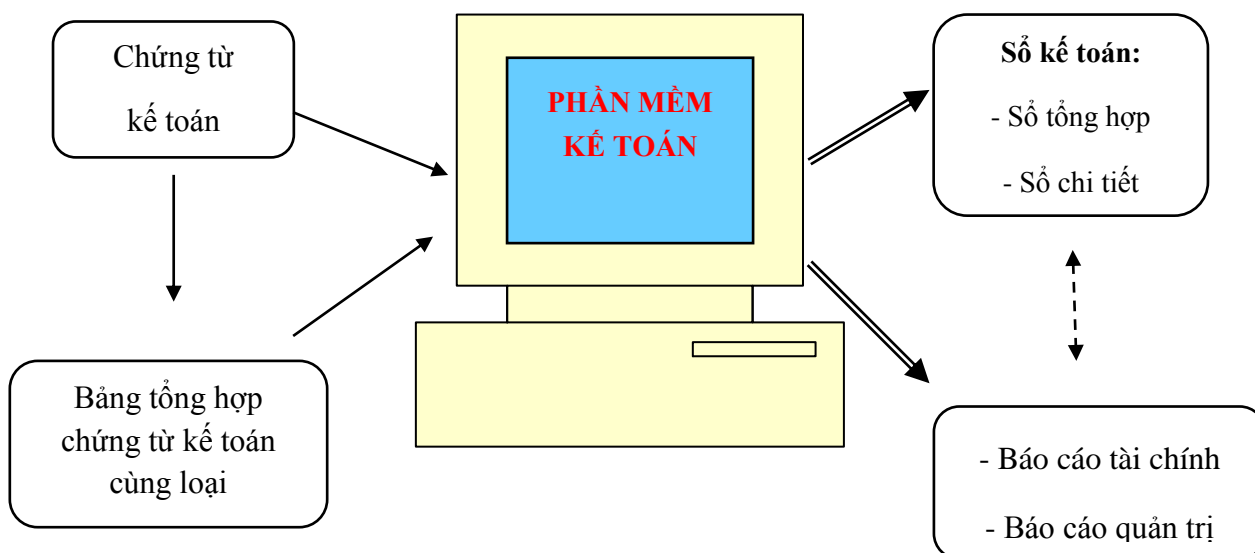
2.1.3.2. Tổ chức công tác kế toán.

1) Chế độ kế toán

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng hiện nay áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cùng với các văn bản quy định bổ sung, sửa đổi.

2) Hình thức kế toán

Hình thức kế toán được Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng áp dụng hiện nay là hình thức kế toán máy vận dụng mẫu sổ của hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là một hình thức kế toán hoàn toàn phù hợp với quy mô, loại hình và đặc điểm của doanh nghiệp.



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng cuối năm
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

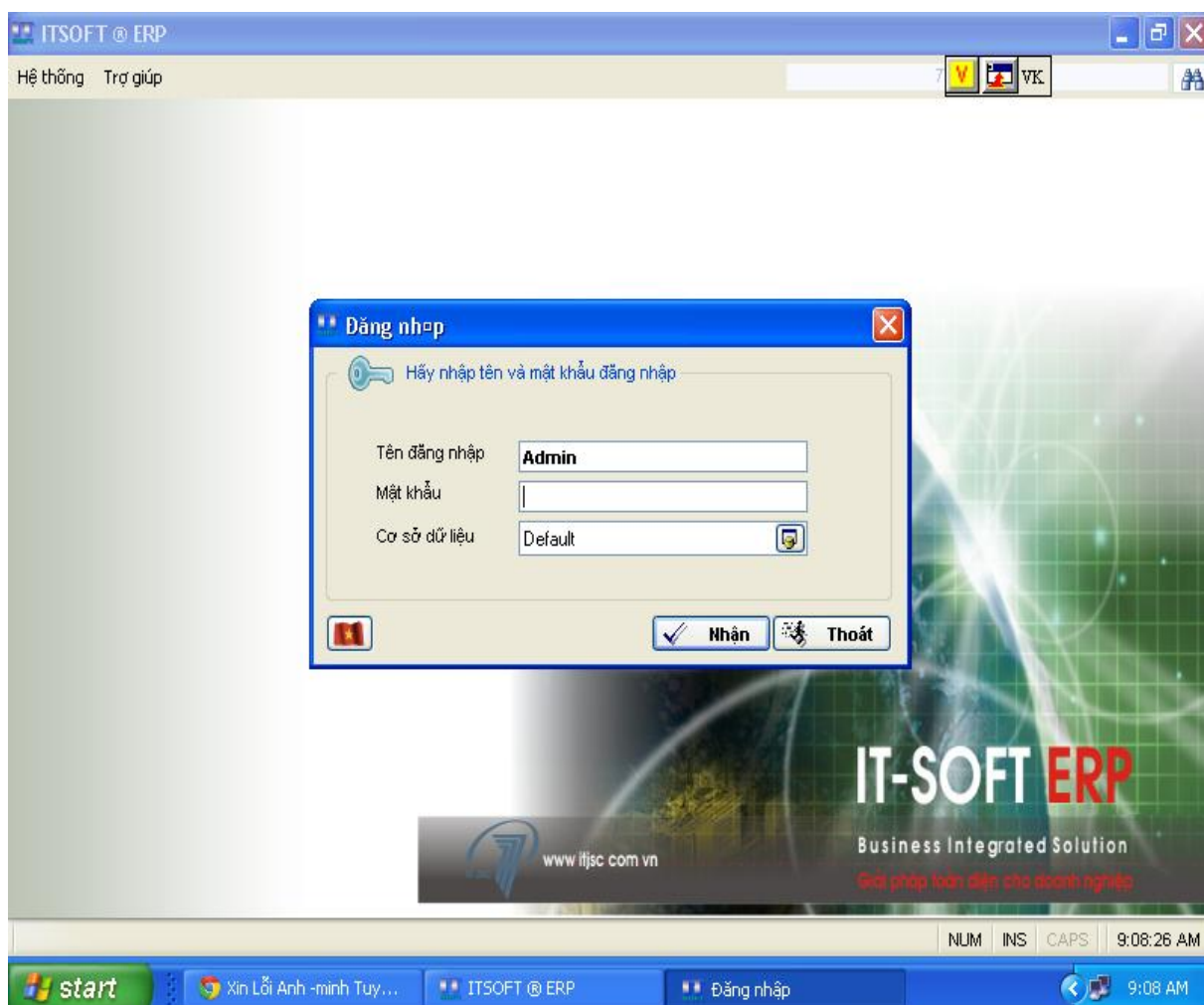
Sơ đồ 2.3 - Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hiện nay, Công ty sử dụng phần mềm kế toán IT - SOFT để thuận tiện cho các cán bộ, đặc biệt là các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán. Đối với hạch toán trên máy vi tính, quan trọng nhất là khâu thu thập, xử lý phân loại chứng từ và định khoản kế toán. Đây là khâu đầu tiên của quy trình hạch toán trên máy vi tính và là khâu quan trọng nhất vì kế toán chỉ vào số liệu cho máy

thật chính xác và đầy đủ, còn thông tin đầu ra như sổ chi tiết, sổ cái và các Báo cáo kế toán đều do máy tự xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các bảng biểu khi cần in.

Từ màn hình máy tính, kế toán kích đúp chuột vào biểu tượng chương trình, nhập mật khẩu người sử dụng, giao diện chương trình sẽ hiện ra như sau:

Biểu số 2.2: Màn hình đăng nhập phần mềm kế toán IT - SOFT



Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm IT - SOFT như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong doanh nghiệp đều được mã hóa, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán:

- Thông tin đầu vào: Định kỳ, kế toán căn cứ vào nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật dữ liệu vào máy theo đúng đối tượng được mã hóa, cài đặt trong phần mềm, đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Máy sẽ tự động vào sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào sổ cái các tài khoản có trong định khoản, bảng kê liên quan.

- Chương trình được làm tự động qua các bút toán kết chuyển đã cài đặt. Khi kế toán chọn đúng bút toán kết chuyển, máy tính sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư nợ (dư có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên có (bên nợ) của tài khoản được kết chuyển

- Thông tin đầu ra: kế toán có thể in ra các sổ chi tiết, sổ cái bất cứ lúc nào các thông tin từ các nghiệp vụ đã được cập nhật. Các sổ báo cáo là kết quả bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động

- Thông tin trên các sổ cái tài khoản được ghi chép thường xuyên trên cơ sở cộng dồn từ các nghiệp vụ đã được cập nhật một cách tự động

Cuối niên độ kế toán căn cứ vào sổ cái và bảng tổng hợp liên quan để lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán theo quy định chung.

3) Các phương pháp kế toán

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá trị hàng xuất kho bằng phương pháp thực tế đích danh.
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ là phương pháp đường thẳng
- Kỳ kế toán của Công ty là kỳ kế toán quý.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Việt Nam Đồng.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.1.1. Nội dung của doanh thu tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Doanh thu của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng được tập hợp từ nhiều hoạt động khác nhau như: xây lắp công trình điện, công trình xây dựng; tư vấn, thiết kế và giám sát thi công, cho thuê mặt bằng và kinh doanh điện.

Nhưng doanh thu chủ yếu của công ty là từ hoạt động thi công, xây lắp các công trình điện. Với những hoạt động đặc thù của ngành, công ty sử dụng phương thức tiêu thụ là bán hàng trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua ký hợp đồng xây dựng với Công ty, Công ty căn cứ vào hợp đồng để có kế hoạch thi công và bàn giao kịp thời.

Doanh thu của các công trình xây lắp tại Công ty được ghi nhận theo phương pháp sau: khi kết quả hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và phần doanh thu đó sẽ được phản ánh trên Hóa đơn GTGT.

Giá trị các công trình xây lắp bàn giao lớn nên công ty áp dụng phương thức bán chịu với thời hạn thanh toán kéo dài từ 1 đến 6 tháng, tùy thuộc vào khách hàng và giá trị công trình.

2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu kế toán

- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + 5111: doanh thu cho thuê mặt bằng, tư vấn thiết kế,...
 - + 5112: doanh thu sản xuất kinh doanh xây lắp
 - + 5113: doanh thu bán điện

2.2.1.3. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hóa đơn GTGT thành 3 liên:

- Liên 1 (màu tím): liên gốc lưu lại quyển hóa đơn.
- Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.
- Liên 3 (màu xanh): lưu chuyển nội bộ và ghi sổ kế toán.

Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, căn cứ vào hóa đơn GTGT liên 3 và hình thức thanh toán của khách hàng để lập phiếu thu hoặc phiếu kế toán để ghi nhận nghiệp vụ trên phần mềm kế toán và phần mềm sẽ tự động đưa số liệu vào Phiếu phân tích tài khoản (nếu có). Phiếu phân tích tài khoản thực chất chính là bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được tập hợp theo từng tháng, là nơi tập hợp tất cả các nghiệp vụ liên quan đến phát sinh bên Nợ hoặc bên Có của 1 tài khoản trong một tháng.

Sau đó, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ trên phần mềm. Nếu nghiệp vụ bán hàng được tập hợp vào Phiếu phân tích tài khoản thì đến cuối tháng, sau khi tính xong số tổng trên Phiếu phân tích tài khoản, sẽ dựa vào đó để tiến hành lập Chứng từ ghi sổ. Theo trình tự được cài đặt sẵn, từ Chứng từ ghi sổ, thông tin sẽ được đưa vào các Sổ chi tiết, Sổ cái và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó số liệu sẽ tự động được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Kết thúc kỳ kế toán, các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về lưu trữ và ghi chép sổ sách kế toán.

2.2.1.4. Ví dụ minh họa:

Ngày 09/12/2011, văn phòng công ty tiến hành bàn giao công trình Hệ thống chiếu sáng Vsip HP cho Công ty TNHH Vsip Hải Phòng với giá trị công trình bàn giao là 1.964.433.012 đ (giá chưa thuế GTGT), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào HĐGTGT số 0000323 (Biểu số 2.3) ghi nhận việc bàn giao công trình hoàn thành cho Công ty TNHH Vsip Hải Phòng, từ màn hình máy tính kế toán vào theo đường dẫn: “Kế toán tiền mặt, tiền gửi / Phiếu kế toán” (Biểu số 2.4) để lập Phiếu kế toán với định khoản như sau:

Nợ TK 131: 2.160.876.313

Có TK 5112: 1.964.433.012

Có TK 3331: 196.443.301

Phiếu kế toán là chứng từ kế toán do kế toán lập làm căn cứ để hạch toán các nghiệp vụ vào sổ. Tại Công ty, Phiếu kế toán được lập khi các nghiệp vụ phát sinh không liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000323

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: hạch toán nội bộ			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Ngày 09 tháng 12 năm 2011			Ký hiệu: AA/11P		
			SỐ: 0000323		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0200171429					
Địa chỉ: Số 1 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, TP Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3876424			Fax: 031.3876525		
Số tài khoản: 32110000000425			Tại: Ngân hàng BIDV Hải Phòng		
Họ tên người mua hàng					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vsip Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200850702					
Địa chỉ: Số 175 đường 359, phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, HP					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Phải thu công trình Vsip – Hệ thống cấp điện (CT SIP HP – Công ty TNHH Vsip Hải Phòng)	Đồng			1.964.433.012
Cộng tiền hàng:					1.964.433.012
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>					Tiền thuế GTGT: 196.443.301
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.160.876.313
<i>Số tiền viết bằng chữ: Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm mười ba đồng.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>				<i>(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu số 2.4: Giao diện phần mềm lựa chọn lập Phiếu kế toán



Từ khai báo chi tiết trên Phiếu kế toán, số liệu của nghiệp vụ này cũng như các nghiệp vụ bán hàng chưa thu tiền khác trong tháng tự động được tập hợp vào Phiếu phân tích tài khoản – Phải thu tháng 12/2011 (Biểu số 2.5).

Biểu số 2.5: Phiếu phân tích tài khoản 131

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/054/11 – Phải thu tháng 12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 131	Ghi Có các TK			
Số hiệu	Ngày			TK3331	TK5111	TK5112	TK 711
.....
PKT 12/41	6/12/11	Phải thu tiền công trình nhà máy sơ sọi Đình Vũ	1.000.000.000	90.909.090		909.090.909	
PKT 12/53	9/12/11	Phải thu tiền công trình hệ thống chiếu sáng Vsip Hải Phòng	2.160.876.313	196.443.301		1.964.433.012	
PKT 12/62	11/12/11	Phải thu NH nông nghiệp tiền thuê mặt bằng đặt máy ATM	12.000.000	1.090.909	10.909.091		
.....
PKT 12/90	20/12/11	Phải thu tiền thanh lý xe ô tô 16H – 5129 của ông Vũ Kiên Quyết	405.000.000	36.818.182			368.181.818
.....
		Tổng cộng	4.192.213.671	381.110.334	535.044.916	2.873.523.921	402.534.500

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị

Đến cuối tháng, sau khi khóa sổ trên Phiếu phân tích tài khoản, kế toán vào theo đường dẫn: “Kế toán tổng hợp / Đăng ký chứng từ ghi sổ” (Biểu số 2.6) để lập Chứng từ ghi sổ Q4/054/11 (Biểu số 2.7).

Biểu số 2.6: Giao diện phần mềm lựa chọn lập Chứng từ ghi sổ



Biểu số 2.7: Chứng từ ghi sổ Q4/054/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/054/11 – Phải thu tháng 12/2011

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	131	3331	381.110.334
Doanh thu bán hàng hóa	131	5111	535.044.916
Doanh thu sản xuất kinh doanh xây lắp	131	5112	2.873.523.921
Thu nhập khác	131	711	402.534.500
TỔNG			4.192.213.671

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Sau khi Chứng từ ghi sổ được lập xong, dữ liệu sẽ tự động vào Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng TK 5112 (Biểu số 2.8) và Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.9) và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO
TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
TK 5112 – Doanh thu sản xuất kinh doanh xây lắp
VPCONGTY – Công trình văn phòng công ty

Dư có đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 6.458.850.568
Phát sinh có: 6.458.850.568
Dư có cuối kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có
Ngày	Số hiệu				
.....
6/12/11	PKT 12/41	Phải thu tiền công trình nhà máy sợi Đình Vũ	131		909.090.909
9/12/11	PKT 12/53	Phải thu tiền công trình hệ thống chiếu sáng Vsip HP	131		1.964.433.012
24/12/11	PKT 12/106	Phải thu tiền công trình chợ Rộc – Cát Bà	131		87.579.375
31/12/11	KC 12/2	Kết chuyển doanh thu 5112: VPCONGTY - > 911: VPCONGTY	911	6.458.850.568	

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu số 2.9: Sổ cái TK511

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và
cung cấp dịch vụ

Dư có đầu kỳ: 94.406.556.929
Phát sinh nợ: 94.406.556.929
Phát sinh có: 94.406.556.929
Dư có cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/r	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
.....
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu tiền công trình nhà máy sơ sọi Đình Vũ	131		909.090.909	PKT 12/41	6/12/11
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu tiền công trình hệ thống chiếu sáng Vsip Hải Phòng	131		1.964.433.012	PKT 12/53	09/12/11
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu NH nông nghiệp tiền thuê mặt bằng đặt máy ATM	131		10.909.091	PKT 12/62	11/12/11
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu tiền thuê nhà 6 tháng đầu năm của CT TNHH TM Hoàng Nhật	131		18.584.545	PKT 12/63	11/12/11
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu tiền thuê mặt bằng nhà xưởng CT TNHH TĐH HECICO	131		19.200.000	PKT 12/70	13/12/11
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu tiền thuê mặt bằng nhà xưởng công ty cổ phần cơ điện 3D	131		66.390.000	PKT 12/77	16/12/11
.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm...
Kế toán ghi sổ

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Công ty xác định đối tượng tính giá vốn chủ yếu là cho các công trình, các giai đoạn công trình hoàn thành hoặc các hạng mục công trình lớn chuyển tiếp nhiều năm hoàn thành, giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng, giá vốn bán điện...

Đặc biệt, hoạt động thi công xây lắp các công trình điện, công trình xây dựng có đặc điểm: sản phẩm có giá trị lớn, quy trình công nghệ sản xuất phức tạp, thời gian thi công dài, các công trình phân bố rộng, đối tượng tính giá là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành nên phương pháp tính giá thành sản phẩm mà Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng áp dụng là phương pháp tính giá thành trực tiếp theo từng đơn đặt hàng. Theo phương pháp này, kế toán tập hợp chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành để tính ra giá thành công trình đó. Khi doanh nghiệp tiến hành bàn giao công trình, ghi nhận doanh thu thì giá thành của phần công trình hoàn thành chính là giá vốn công trình.

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng
 - TK 632 – Giá vốn hàng bán
 - TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

2.2.2.3. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Công tác xác định giá vốn tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng được thực hiện vào cuối mỗi quý. Giá vốn của từng xí nghiệp, từng lĩnh vực sẽ được tập hợp riêng như: giá vốn công trình của xí nghiệp 1, 2, ..., giá vốn công trình văn phòng công ty, giá vốn bán điện,...

Từ các số liệu về chi phí cho từng công trình được tập hợp trong phần mềm kế toán, kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán trên phần mềm để xác định giá vốn mỗi công trình theo định khoản;

Nợ TK 632: (giá vốn công trình)

Có TK 154: (giá trị phân chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
kết chuyển sang giá vốn công trình)

Khi phiếu kế toán được lập xong, kế toán sẽ tiến hành lập chứng từ ghi sổ ghi nhận bút toán xác định giá vốn công trình. Từ đây, dữ liệu tự động được đưa vào Sổ cái TK 632 và chứng từ ghi sổ cũng sẽ được phần mềm kế toán tự động đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

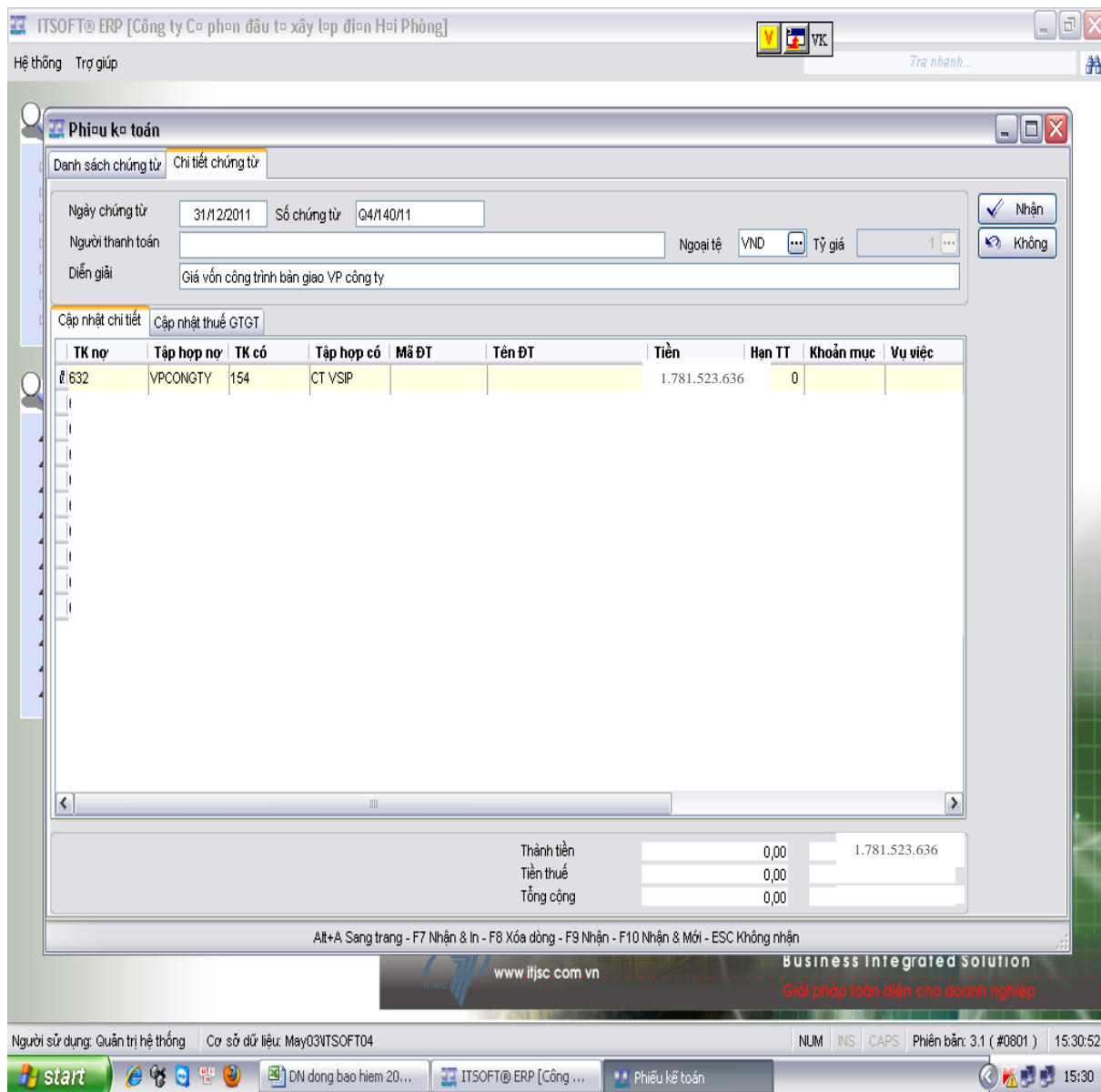
Cuối kỳ kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ trên máy vi tính để lập các Báo cáo. Máy tính sẽ tự xử lý số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó, theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4. Ví dụ minh họa.

31/12/2011, xác định giá vốn cho công trình hệ thống chiếu sáng Vsip Hải Phòng mà văn phòng công ty đã hoàn thành và bàn giao cho Công ty TNHH Vsip Hải Phòng trong quý 4/2011.

Căn cứ vào việc tập hợp các chi phí phát sinh trong quá trình thi công công trình Hệ thống chiếu sáng Vsip Hải Phòng trên phần mềm, kế toán tiến hành lập phiếu kế toán ghi nhận giá vốn công trình. Từ màn hình máy tính kế toán vào theo đường dẫn: “Kế toán tiền mặt – tiền gửi / Phiếu kế toán / Chi tiết chứng từ” để lập Phiếu kế toán (Biểu số 2.10). Sau đó, dữ liệu sẽ tự động được đưa vào Phiếu phân tích tài khoản 154 để tập hợp giá vốn các công trình bàn giao cho văn phòng công ty quý 4/2011 (Biểu số 2.11).

Biểu số 2.10: Giao diện phần mềm khi lập phiếu kế toán



Biểu số 2.11: Phiếu phân tích tài khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/140/11 – Giá vốn công trình bàn giao

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 154	Ghi Nợ TK 632
Số hiệu	Ngày			
			
PKT12/40	06/12/11	Công trình nhà máy sợi Đình Vũ	892.667.295	892.667.295
PKT12/52	09/12/11	Công trình hệ thống chiếu sáng Vsip HP	1.781.523.636	1.781.523.636
PKT12/64	11/12/11	Tiền thuê nhà 6 tháng đầu năm của công ty TNHH TM Hoàng Nhật	16.267.149	16.267.149
			
		Tổng cộng	6.416.337.123	6.416.337.123

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm...

Thủ trưởng đơn vị

Khi khóa sổ trên Phiếu phân tích tài khoản 154, kế toán vào đường dẫn: “Kế toán tổng hợp / chứng từ ghi sổ / chi tiết chứng từ” để lập Chứng từ ghi sổ Q4/140/11 (Biểu số 2.12) để ghi nhận giá vốn công trình bàn giao của văn phòng công ty quý 4/2011 và khi hoàn thành, dữ liệu trên Chứng từ ghi sổ sẽ tự động được cập nhật vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.13) và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.12: Chứng từ ghi sổ Q4/140/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/140/11 – Giá vốn công trình bàn giao
văn phòng công ty

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Giá vốn hàng bán	632	154	6.416.337.123
TỔNG			6.416.337.123

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Dư nợ đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 91.881.176.519

Phát sinh có: 91.881.176.519

Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
.....
Q4/140/11	31/12/11	Giá vốn công trình bàn giao công trình sơ sọ Đĩnh Vũ	154	892.667295		PKT 12/40	6/12/11
Q4/140/11	31/12/11	Giá vốn công trình hệ thống chiếu sáng Vsip HP	154	1.781.523.636		PKT 12/52	9/12/11
Q4/140/11	31/12/11	Giá vốn công trình bàn giao thuê mặt bằng máy ATM của NHNN	154	8.632.000		PKT 12/61	11/12/11
Q4/140/11	31/12/11	Giá vốn công trình bàn giao thuê mặt bằng cty TNHH tự động hóa	154	8.000.000		PKT 12/71	13/12/11
.....
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn công trình quý 4/2011	911		91.881.176.519	KC 12/01	31/12/11

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm...

Kế toán ghi sổ

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty như:

- Chi phí nhân viên quản lý: tiền lương, các khoản trích theo lương cho cán bộ quản lý...
- Chi phí thiết bị văn phòng: mua sắm các đồ dùng và thiết bị tại văn phòng phục vụ cho công tác quản lý.
- Chi phí khấu hao phục vụ quản lý: chi phí nhà cửa làm việc của các phòng ban, máy móc thiết bị phục vụ công tác quản lý dùng trên văn phòng...
- Thuế, phí và lệ phí: thuế môn bài, tiền thuê đất...
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: tiền điện, nước, điện thoại...
- Chi phí bằng tiền khác: tiền công tác phí, tiền tàu xe...

Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, để góp phần làm tăng lợi nhuận thì việc góp phần giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp là điều rất cần thiết với Công ty.

2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi tiền mặt
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Có 7 tài khoản cấp 2

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý | + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí |
| + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý | + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài |
| + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng | + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác |
| + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ | |

2.2.3.3. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Hàng ngày, căn cứ vào các hóa đơn GTGT (liên 2), hóa đơn bán lẻ... và phương thức thanh toán về các khoản chi phí phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành hạch toán các nghiệp vụ đó vào Phiếu chi tiền mặt, giấy báo Nợ hoặc Phiếu kế toán. Từ các chứng từ kế toán đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Phiếu phân tích tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, khi khóa sổ trên Phiếu phân tích tài khoản, kế toán sẽ lập Chứng từ ghi sổ tương ứng và phần mềm sẽ đưa dữ liệu vào Sổ Chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng, Sổ cái các tài khoản có liên quan và tự động đăng ký Chứng từ ghi sổ đó vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.


Kết thúc kỳ kế toán, thực hiện các bút toán khóa sổ sách để lập các Báo cáo tài chính.

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ngày 21/12/2011, Công ty lập và gửi Ủy nhiệm chi số 11/031 cho Ngân hàng BIDV Hải Phòng để thanh toán tiền nước tháng 11 năm 2011 cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng.

Khi nhận được Hóa đơn GTGT tiền nước số 0931273 (Biểu số 2.14) thông báo về tiền nước phải nộp tháng 11/2011, kế toán tiến hành viết Ủy nhiệm chi số 12/031 (Biểu số 2.15) gửi cho ngân hàng. Khi đó, ngân hàng gửi Giấy báo Nợ (Biểu số 2.16) và Sổ phụ (Biểu số 2.17) về cho Công ty, kế toán tiến hành nhập giữ liệu theo đường dẫn: “Kế toán tiền mặt – tiền gửi / Giấy báo nợ” (Biểu số 2.18).

Biểu số 2.14: Hóa đơn tiền nước

 CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG 54 Đinh Tiên Hoàng Điện thoại: 031.3745443 TK: 102010000200826 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG THU TIỀN NƯỚC Liên 2: Giao cho người mua TỔNG GIÁM ĐỐC (Đã ký)	Danh bạ khách hàng: 2192198		Danh bạ điểm dùng:		Mẫu số: 01GTKT2/001																								
	Tên KH: Công ty CP ĐT XL điện Hải Phòng				Ký hiệu: AA/12P																								
	Địa chỉ: Số 1, Trần Tất Văn, Kiến An, HP				Số : 0931273																								
	Mã số thuế: 0200171429		Seri ĐH: GKM7000341		Tuyến: 750																								
Định mức:		Mã ĐH:636587																											
Mã hóa đơn: 25684524		Tính từ ngày: 16/10/2011		Chỉ số cũ:2706		Hệ số: 2																							
HĐ tháng: 11/2011		Đến ngày: 16/11/2011		Chỉ số mới:2798		Tiêu thụ: 92																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Diễn giải</th> <th>Số lượng</th> <th>Đơn giá</th> <th>Thành tiền</th> <th>VAT 5%</th> <th>Phí thoát nước 15%</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Kinh doanh</td> <td style="text-align: center;">95</td> <td style="text-align: center;">12.000</td> <td style="text-align: right;">1.140.000</td> <td style="text-align: right;">65.608</td> <td style="text-align: right;">172.150</td> </tr> <tr> <td>Cộng</td> <td></td> <td></td> <td style="text-align: right;">1.140.000</td> <td style="text-align: right;">65.608</td> <td style="text-align: right;">172.150</td> </tr> <tr> <td colspan="5"></td> <td style="text-align: right;">1.377.758</td> </tr> </tbody> </table>						Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	VAT 5%	Phí thoát nước 15%	Kinh doanh	95	12.000	1.140.000	65.608	172.150	Cộng			1.140.000	65.608	172.150						1.377.758
Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	VAT 5%	Phí thoát nước 15%																								
Kinh doanh	95	12.000	1.140.000	65.608	172.150																								
Cộng			1.140.000	65.608	172.150																								
					1.377.758																								
<p><i>Tổng số tiền bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy, trăm năm mươi tám đồng</i></p>																													

Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI			Số: UNC12/031 Ngày: 21/12/2011
Số tiền:	1.377.758	Đồng	Phí trong Phí ngoài
Bằng chữ: một triệu ba trăm mười hai nghìn một trăm năm mươi đồng Nội dung: trả tiền nước tháng 11 năm 2011			Phí NH
Đơn vị/Người yêu cầu: Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng Số CMT: Ngày cấp: Số TK: 321.10.00.000042.5 Tại NH: BIDV Hải Phòng		Đơn vị/ Người hưởng: công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng Số CMT: Ngày cấp: Số TK: 102010000200826 Tại NH: Công thương Hải Phòng	
Kế toán trưởng Chủ tài khoản	Ngân hàng gửi Giao dịch viên Kiểm sát viên		Ngân hàng nhận Giao dịch viên Kiểm sát viên

Biểu số 2.16: Giấy báo Nợ

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
PGD KIẾN AN 2
MST: 00200259831-002

Số: FT 1113827559
Ngày 22/12/2011
10:45:54
Số giao dịch: 7559

GIẤY BÁO NỢ

TÀI KHOẢN 32110000000425
TKTGTT VND CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG
MÃ VAT
SỐ TIỀN NỘI DUNG
1,377,758.00 VND TRẢ TIỀN NƯỚC THÁNG 11/2011
Tổng tiền: **1,377,758.00 VND**
Bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng

LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.17: Sổ phụ ngân hàngNGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM

Trang: 63/85

SỔ PHỤ

Ngày 22/12/2011

Sổ chi tiết tài khoản
Statement of Account for
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN
HẢI PHÒNGSố Tài Khoản: 32110000000425
A/C No.
Loại TK/ Loại tiền: 1.377.758 VND

Type / Ccy

Số dư đầu ngày 22/12/2011: 12.596.295.054
Opening Balance as of

So CT Seq.No	Ngày GD Tran Date	Ngày H.Luc Effect Date	Loai GD Tran	Số Séc Cheque No	PS Nợ Withdrawal	PS Có Deposit	Nội dung Remarks
7559	22/12/11	22/12/11	IR	0000022561	0.00	1.377.758	Trả tiền nước

0.0 1.377.758

Doanh số giao dịch:

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 22/12/2011: 12.594.920.296

Ending Balance as of

Biểu số 2.18: Giao diện phần mềm lựa chọn Giấy báo Nợ

Từ thông tin khai báo chi tiết trong phân hệ Giấy báo Nợ, dữ liệu sẽ tự động được cập nhật vào Phiếu phân tích tài khoản 11211 (Biểu số 2.19) để phản ánh toàn bộ số tiền chuyển qua ngân hàng BIDV Hải Phòng trong tháng 12/2011.

Cuối tháng, sau khóa sổ trên Phiếu phân tích tài khoản, kế toán sẽ lập Chứng từ ghi sổ Q4/151/11 (Biểu số 2.20). Lúc này, phần mềm sẽ tự động đưa dữ liệu vào Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (Biểu số 2.21), Sổ cái tài

khoản 642 (Biểu số 2.22) và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.19: Phiếu phân tích tài khoản 11211

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Tài khoản 11211 – Tiền VNĐ gửi tại NH đầu tư & phát triển HP
Tháng 12 năm 2011
Số CTGS: Q4/151/11 – Chuyển tiền T12/2011 – NH BIDV HP

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 11211	Ghi Nợ các tài khoản				
Số hiệu	Ngày			...	TK133	...	TK6427	TK 6428
.....
UNC12/029	20/12/11	Trả tiền điện thoại tháng 11 năm 2011	1.613.460		146.678		1.466.782	
UNC12/031	21/12/11	Trả tiền nước tháng 11 năm 2011	1.377.758		65.608		1.312.150	
UNC12/034	22/12/11	Trả tiền sửa ô tô cho Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	28.709.997		2.610.000			26.099.997
UNC12/036	23/12/11	Trả tiền điện tháng 11 năm 2011	4.021.809		365.619		3.656.190	
.....
		Tổng cộng	18.020.668.578		17.034.964		112.098.625	26.099.997

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.20: Chứng từ ghi sổ Q4/151/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/151/11 – Chuyển tiền tháng 12/2011

Ngân hàng BIDV Hải Phòng

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133	11211	17.034.964
Phải thu nội bộ	13622	11211	12.384.481.613
Nguyên vật liệu	152	11211	84.300.000
Vay ngắn hạn	3112	11211	4.798.320.374
Phải trả người bán	331	11211	297.159.835
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3337	11211	37.969.170
Kinh phí công đoàn	3382	11211	39.190.000
Bảo hiểm xã hội	3383	11211	200.000.000
Chi phí SXC - Chi phí dịch vụ mua ngoài	6277	11211	200.000
Chi phí tài chính	635	11211	23.813.994
Chi phí QLDN - Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	11211	112.098.625
Chi phí QLDN - Chi phí bằng tiền khác	6428	11211	26.099.997
TỔNG			18.020.668.578

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tài khoản 6427 – Chi phí quản lý – dịch vụ
mua ngoài

Dư nợ đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 182.891.377
Phát sinh có: 182.891.377
Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có
Ngày	Số				
.....
07/12/11	PC12/0 36	Mua văn phòng phẩm	1111	2.530.194	
10/12/11	UNC12 /019	Trả tiền phí kiểm toán – CT TNHH Kiểm toán & DV tin học TP HCM	11211	60.250.000	
18/12/11	PC12/0 72	Chi tiếp khách phục vụ đấu thầu	1111	9.786.000	
20/12/11	UNC12 /029	Trả tiền điện thoại tháng 11 năm 2011	11211	1.466.782	
21/12/11	UNC12 /031	Trả tiền nước tháng 11 năm 2011	11211	1.312.150	
.....
25/12/11	PKT 12/110	Tính tiền điện quý 4/11 cho ĐXL1	1361		295.890
25/12/11	PKT 12/111	Tính tiền điện quý 4/11 cho ĐXL2	1362		453.200
.....

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu số 2.22: Sổ cái TK 642

TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Dư nợ đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 1.894.531.486
Phát sinh có: 1.894.531.486
Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/r	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
.....
Q4/149/11	31/12/11	Nộp tiền phí vệ sinh Q4/2011	1111	900.000		PC12/029	07/12/11
Q4/151/11	31/12/11	Phí quản lý TK – NH BIDV HP	11211	110.000		UNC12/020	12/12/11
Q4/149/11	31/12/11	Hoàng – thanh toán tiền chuyển phát nhanh	1111	110.603		PC12/060	18/12/11
Q4/151/11	31/12/11	Trả tiền điện thoại tháng 11 năm 2011	11211	1.466.782		UNC12/029	20/12/11
Q4/151/11	31/12/11	Trả tiền nước tháng 11 năm 2011	11211	1.312.150		UNC12/031	21/12/11
.....
Q4/057/11	31/12/11	Tính tiền điện quý 4/11 cho ĐXL1	1361		295.890	PKT 12/110	25/12/11
Q4/057/11	31/12/11	Tính tiền điện quý 4/11 cho ĐXL2	1362		453.200	PKT 12/110	25/12/11
.....

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm

Kế toán ghi sổ

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng đa phần là tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, ngoài ra còn có lãi do các khoản đầu tư vào công ty con. Chi phí tài chính của công ty chủ yếu phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản vay.

2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo Có, giấy báo Nợ của Ngân hàng
 - Sổ phụ của Ngân hàng
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Hàng ngày, căn cứ vào các thông báo về các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính như lãi tiền gửi ngân hàng, lãi do đầu tư vào công ty con, trả lãi tiền vay ngân hàng hoặc vay các cá nhân... kế toán tiến hành khai báo thông tin trên Phiếu thu tiền mặt, Phiếu chi tiền mặt, Phiếu kế toán, Giấy báo Nợ, giấy báo Có trên phần mềm để làm căn cứ lập các đưa các số liệu vào các Phiếu phân tích của tài khoản có liên quan (nếu có).

Sau đó, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ tương ứng trên phần mềm và dữ liệu sẽ tự động được đưa vào các Sổ chi tiết và Sổ cái các tài khoản có liên quan. Đồng thời, chứng từ ghi sổ đó cũng sẽ được cập nhật vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối quý, thực hiện thao tác khóa sổ trên máy tính để lập bảng cân đối số phát sinh và các Báo cáo tài chính

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2011, Công ty xác định số cổ tức phải thu năm 2010 của Công ty TNHH tự động hóa HECICO là 62.498.152đ.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh đã được kiểm toán năm 2010 của Công ty TNHH tự động hóa HECICO, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán theo đường dẫn: “Kế toán tiền mặt – tiền gửi / Phiếu kế toán / Chi tiết chứng từ”, lựa chọn mã và tên đối tượng để tiến hành khai báo (Biểu số 2.23).

Biểu số 2.23: Giao diện phần mềm khi lập phiếu kế toán

Phiếu kế toán

Danh sách chứng từ Chi tiết chứng từ

Ngày chứng từ 31/12/2011 Số chứng từ Q4/126/11

Người thanh toán Ngoại tệ VND Tỷ giá 1

Diễn giải Cổ tức phải thu năm 2011 của Cty TNHH Tự động hoá Hecico

Cập nhật chi tiết Cập nhật thuế GTGT

TK nợ	TK có	Mã ĐT	Tên ĐT	Tiền	Hạn TT	Khoản mục	Vụ việc	Mã số LCTT	Diễn giải
131	515			0					Cổ tức phải tr

Thành tiền 0,00

Tiền thuế 0,00

Tổng cộng 0,00

Alt+A Sang trang - F7 Nhận & In - F8 Xóa dòng - F9 Nhận - F10 Nhận & Mới - ESC Không nhận

Sau khi lập Phiếu kế toán đã lập như Biểu số 2.23, giống như việc lập chứng từ ghi sổ ở các ví dụ trên, kế toán theo đường dẫn: “Kế toán tổng hợp / Đăng ký chứng từ ghi sổ” để lập Chứng từ ghi sổ Q4/126/11 với nội dung “Cổ tức phải thu của Công ty TNHH tự động hóa HECICO” (Biểu số 2.24). Từ đây, dữ liệu sẽ tự động được đưa vào Sổ cái tài khoản 515 và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.24: Chứng từ ghi sổ Q4/126/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số CTGS: Q4/126/11 – Cổ tức phải thu của
công ty TNHH tự động hóa HECICO

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Doanh thu hoạt động tài chính	131	515	62.498.102
TỔNG			62.498.102

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.25: Sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Dư có đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 80.702.104

Phát sinh có: 80.702.104

Dư có cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
.....
Q4/157/11	25/12/11	NH ABBank HP - trả lãi tiền gửi	11214		38.686	GBC12/15	25/12/11
Q4/150/11	25/12/11	Lãi tiền gửi T12/2011 – NH BIDV HP	11211		6.188.474	GBC12/16	25/12/11
Q4/155/11	31/12/11	Lãi tiền gửi T12/2011 – NH VietcomBank HP	112118		13.147	GBC12/21	31/12/11
Q4/150/11	31/12/11	Lãi tiền gửi từ T6 đến hết 31/12/2011 – NH BIDV HP	11217		677.925	GBC12/24	31/12/11
Q4/153/11	31/12/11	Lãi tiền gửi T12/2011 – NH VietinBank Kiến An	11212		722.257	GBC12/25	31/12/11
Q4/126/11	31/12/11	Cổ tức phải thu năm 2011 của Công ty TNHH tự động hóa HECICO	131		62.498.102	PKT 12/130	31/12/11
.....
Q4/188/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	80.702.104		KC12/3	31/12/11

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Ví dụ 2: Ngày 30/12/2011 trả tiền lãi vay cá nhân tháng 12/2011 cho ông Vũ Quốc Hưng

Dựa vào Bảng tính lãi vay tháng 12/2011 của ông Vũ Quốc Hưng (Biểu số 2.26), kế toán nhập dữ liệu theo đường dẫn: “ Kế toán tiền mặt – tiền gửi / Phiếu chi tiền mặt / Chi tiết chứng từ” (Biểu số 2.27) để lập Phiếu chi số 12/ 092 (Biểu số 2.28).

Biểu số 2.26: Bảng tính lãi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG TÍNH LÃI VAY CỦA ÔNG VŨ QUỐC HƯNG – THÁNG 12/2011

Số nhà 53/208 Đà Nẵng, Hải Phòng

Lãi = 1,758%/ tháng

Stt	Họ và tên	Số tiền	Số ngày	Tổng lãi 1,758%/T	Số lãi cá nhân được lĩnh	Ký nhận
1	Vũ Quốc Hưng	450.000.000	31	8.174.700	8.174.700	Hung
	Tổng cộng			8.174.700	8.174.700	

Tổng giám đốc

Vũ Kiên Quyết

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Roan

Lập biểu

Đặng Thị Đức

Biểu số 2.27: Giao diện phần mềm khi lập Phiếu chi tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Danh sách chứng từ | Chi tiết chứng từ

Ngày chứng từ: 30/12/2011 | Số chứng từ: PC12/092

Người thanh toán: Vũ Quốc Hưng | Ngoại tệ: VND | Tỷ giá: 1 +

Diễn giải: Trả tiền lãi vay tháng 12/2011

Cập nhật chi tiết | Cập nhật thuế GTGT

TK nợ	TK có	Mã ĐT	Tên ĐT	Tiền	Hạn TT	Khoản mục	Vụ việc	Mã số LCTT	Diễn
I.635	1111			8 174 700	0				Trả ti

Thành tiền: _____
 Tiền thuế: _____
 Tổng cộng: _____

Alt+A Sang trang - F7 Nhận & In - F8 Xóa dòng - F9 Nhận - F10 Nhận & Mới - ESC Không nhận

Biểu số 2.28: Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI
Ngày 30 tháng 12 năm 2011
TÀI KHOẢN GHI NỢ

Số: PC12/092

635	8.174.700

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Quốc Hưng
Địa chỉ: Số 53/208 Đà Nẵng, Hải Phòng
Lý do chi: Trả tiền lãi vay tháng 12/2011
Số tiền: 8.174.700 VND
Viết bằng chữ: Tám triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm đồng.
Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Nhận, ngày 30 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Kế toán thanh toán Người nhận tiền Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm đồng.

Khi Phiếu chi được lập xong, số liệu sẽ tự động được cập nhật vào Phiếu phân tích tài khoản phản ánh các khoản chi tiền mặt trong tháng 12/2011 (Biểu số 2.29) và Phiếu phân tích tài khoản sẽ là căn cứ để lập Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.30).

Chứng từ ghi sổ được lập xong, dữ liệu sẽ được phần mềm đưa vào Sổ cái tài khoản 635 (Biểu số 2.31) và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53)

Cuối quý, thực hiện thao tác khóa sổ trên máy tính để lập bảng cân đối số phát sinh và các Báo cáo tài chính

Biểu số 2.29: Phiếu phân tích tài khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Tài khoản 1111 – Tiền mặt VNĐ

Tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/149/11 – Chi tiền mặt tháng 12 năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 1111	Ghi Nợ các tài khoản				
Số hiệu	Ngày			...	TK133	...	TK635	TK 6427
.....	
PC12/029	07/12/11	Nộp tiền phí vệ sinh Q4/2011	990.000		90.000		900.000	
PC12/032	07/12/11	Trả tiền lãi vay hết 06/12/11 cho bà Nguyễn Thu Hường	5.746.200			5.746.200		
.....	
PC12/060	18/12/11	Hoàng – thanh toán tiền chuyển phát nhanh	121.663		11.060		110.603	
PC12/092	30/12/11	Trả tiền lãi vay tháng 12/2011 cho ông Vũ Quốc Hưng	8.174.700			8.174.700		
PC12/094	30/12/11	Trả tiền lãi vay tháng 12/2011 cho bà Đoàn Thị Hà	9.083.000			9.083.000		
.....	
		Tổng cộng	17.774.046.616		12.536.414		353.452.950	5.577.656

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm...

Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.30: Chứng từ ghi sổ Q4/149/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/149/11 – Chi tiền mặt
tháng 12/2011

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Tiền VNĐ gửi tại NH BIDV	11211	1111	5.732.905.200
Tiền VNĐ gửi tại NH Viettinbank	11212	1111	45.552.500
Tiền gửi NH An Bình (ABbank)	11214	1111	506.700.500
Tiền gửi tại NH Vietcombank	11218	1111	26.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	133	1111	12.536.414
Phải thu nội bộ các đơn vị	136	1111	4.967.861.000
Tạm ứng cá nhân	1411	1111	45.000.000
XDCB dở dang	2412	1111	40.810.8000
Chi phí trả trước dài hạn	242	1111	2.630.000
Phải trả cho người bán	331	1111	4.966.530
Phải trả công nhân viên	3341	1111	439.725.000
Kinh phí công đoàn	3382	1111	15.200
Bảo hiểm xã hội	3383	1111	51.649.000
Phải trả, phải nộp khác	3388	1111	543.245.700
Vay dài hạn cá nhân	3411	1111	4.564.183.750
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353	1111	4.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6277	1111	4.167.272
Chi phí khác	62781	1111	5.249.000
Chi phí tài chính	635	1111	353.452.950
Chi phí vật liệu quản lý	6422	1111	40.188.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	6423	1111	1.235.000
Thuê, phí và lệ phí	6425	1111	2.193.000
Chi phí quản lý – dịch vụ mua ngoài	6427	1111	5.577.656
Chi phí quản lý khác	64281	1111	373.451.849
TỔNG			17.774.046.616

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Dư nợ đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 1.126.266.381

Phát sinh có: 1.126.266.381

Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
.....
Q4/151/11	31/12/11	Trả gốc và lãi vay BIDV Hải Phòng	11211	23.813.994		UNC12/053	16/12/11
Q4/149/11	30/12/11	Trả tiền lãi vay tháng 12/2011 cho ông Vũ Quốc Hưng	1111	8.174.700		PC12/092	30/12/11
Q4/149/11	30/12/11	Trả tiền lãi vay tháng 12/2011 cho bà Đoàn Thị Hà	1111	9.083.000		PC12/094	30/12/11
Q4/149/11	30/12/11	Công ty trả lãi vay cá nhân quý 4/2011 cho bà Phùng Thị Huệ	1111	330.449.050		PC12/101	30/12/11
.....
Q4/176/11	31/12/11	Phân bổ lãi vay quý 4/2011 cho XN 4	1364		100.763.300	PKT 12 /129	31/12/11
Q4/188/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí tài chính	911		445.154.381	KC 12/4	16/12/11

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.5.1. Nội dung của kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Thu nhập khác và chi phí khác của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ hoặc các điều chỉnh về thuê thu nhập hay giá trị công cụ, dụng cụ, TSCĐ ghi tăng thu nhập khác.

2.2.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Biên bản thanh lý TSCĐ
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu tiền mặt, Phiếu chi tiền mặt
- Tài khoản sử dụng
 - TK 711 – Thu nhập khác
 - TK 811 – Chi phí khác

2.2.5.3. Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Hàng ngày, khi phát sinh các hóa đơn GTGT hoặc các biên bản liên quan đến các hoạt động khác của doanh nghiệp như thanh lý tài sản, phạt do vi phạm hợp đồng... kế toán tiến hành lập các chứng từ ghi nhận nghiệp vụ như Phiếu kế toán, Phiếu thu, Phiếu chi... để phần mềm làm căn cứ đưa số liệu vào Phiếu phân tích tài khoản (nếu cần).

Sau đó, từ các dữ liệu đã được khai báo ban đầu như trên, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ tương ứng và các chứng từ ghi sổ sẽ tự động được phần mềm cập nhật số liệu vào Sổ cái tài khoản 711, 811, 111, 112,..., Sổ chi tiết tài khoản

theo tài khoản đối ứng của các tài khoản có liên quan và vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Cuối quý, thực hiện thao tác khóa sổ trên máy tính để lập bảng cân đối số phát sinh và các Báo cáo tài chính

2.2.5.4. Ví dụ minh họa

Ngày 19/12/2011, Công ty tiến hành thanh lý xe ô tô Camry 16H - 5129, nguyên giá 603.254.620 đ, giá trị còn lại tính đến ngày thanh lý là 230.476.600đ. Công ty bán cho ông Vũ Kiên Quyết – Tổng giám đốc công ty với giá 368.181.818 (giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Công ty chưa thu được tiền.

Khi nhận được Biên bản thanh lý xe ô tô con 16H - 5129 (Biểu số 2.32), trước tiên kế toán tiến hành phản ánh bút toán ghi giảm tài sản cố định.

Để ghi nhận bút toán đó, kế toán vào đường dẫn: “Kế toán tiền mặt – tiền gửi / Phiếu kế toán / chi tiết chứng từ” (Biểu số 2.33), chọn mã đối tượng, tên đối tượng đã được mã hóa từ trước và nhập số tiền theo định khoản:

Nợ TK 811: 230.476.600

Nợ TK 2141: 372.778.020

Có TK 2114: 603.254.620

Phiếu kế toán được lập xong, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ Q4/052/11 (Biểu số 2.34) theo đường dẫn: “Kế toán tổng hợp / Đăng ký chứng từ ghi sổ”.

Chứng từ ghi sổ Q4/052/11 sau khi được lập xong, dữ liệu sẽ tự động được đưa vào Sổ cái tài khoản 811 (Biểu số 2.35), 214, 211 và các Sổ chi tiết có liên quan. Đồng thời chứng từ cũng sẽ được phần mềm tự động đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.32: Biên bản thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BIÊN BẢN

HỌP THANH LÝ XE Ô TÔ CON

Hôm nay, vào hồi 14h ngày 19 tháng 12 năm 2011. Ban thanh lý tài sản Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Điện Hải Phòng họp thanh lý xe ô tô con:

I/ Ban thanh lý tài sản gồm:

- 1, Ông Tạ Quang Huy – Phó TGD – Chủ tịch Công đoàn.
- 2, Ông Bùi Văn Nhiếp – Phó TGD.
- 3, Ông Nguyễn Duy Phúc – Phó TGD.
- 4, Ông Nguyễn Hữu Roan – Kế toán trưởng.
- 5, Ông Đào Ngọc Toàn – Phó phòng KH TT – Bí thư Đoàn Thanh niên.

II/ Tiến hành thanh lý TS:

- Tên tài sản: Ô tô con
- Nhãn hiệu TOYOTA;
- Số loại: CAMRY – 2,4G
- Số máy: 2AZ1142496
- Số khung: ACV303001528
- Năm, nơi sản xuất: 2003, Việt Nam
- Năm đưa vào sử dụng: 2003
- Biển đăng ký: 16H – 5129
- Nguyên giá tài sản: 603.254.620đ
- Giá trị hao mòn đã tính đến thời điểm 31/12/2011: 372.778.020đ
- Giá trị còn lại đến hết 31/12/2011: 230.476.600đ

III/ Kết luận của ban thanh lý:

Sinh viên: Đỗ Thị Thúy Hồng

- Xe đã sử dụng gần 9 năm. Số Km xe đã chạy là 415.000Km
- Tình trạng hiện tại của xe:
 - + Xe đang vận hành bình thường
 - + Phần vỏ xe đã hàn lại nhiều chỗ và đã sơn lại hoàn toàn. Hiện còn nhiều chỗ mọt

Căn cứ giá cả thị trường, giá trị hao mòn đã tính và tình hình thực tế của xe. Hội đồng thanh lý thống nhất:

1. Định giá bán chiếc xe trên là 405.000.000đ (Bốn trăm linh năm triệu đồng). Đã bao gồm thuế VAT.
2. Bán cho ông Vũ Kiên Quyết – Tổng giám đốc công ty chiếc xe trên với giá 405.000.000đ (Bốn trăm linh năm triệu đồng). Đã bao gồm thuế VAT.
3. Ông Vũ Kiên Quyết có trách nhiệm: nộp đủ số tiền thanh lý trên về phòng Kế toán tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng trước khi nhận xe và có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phục vụ cho việc chuyển quyền sở hữu chiếc xe trên theo luật định.
4. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp điện Hải Phòng có trách nhiệm: bàn giao xe và các giấy tờ có liên quan ngay sau khi nhận đủ số tiền thanh lý trên. Đồng thời phối kết hợp, tạo mọi điều kiện về thủ tục hành chính để ông Vũ Kiên Quyết thực hiện chuyển quyền sở hữu chiếc xe trên theo luật định.

Hội nghị thống nhất các nội dung trên và kết thúc vào hồi 15h30 phút cùng ngày.

Hải Phòng ngày 19 tháng 12 năm 2011

Hội đồng thanh lý:

1. Ông Tạ Quang Huy.....(đã ký)
2. Ông Bùi Văn Nhiếp(đã ký)
3. Ông Nguyễn Duy Phúc(đã ký)
4. Ông Nguyễn Hữu Roan(đã ký)
5. Ông Đào Ngọc Toàn(đã ký)

Biểu số 2.33: Giao diện phần mềm lập phiếu kế toán

Phiếu kế toán

Danh sách chứng từ | Chi tiết chứng từ

Ngày chứng từ: 21/12/2011 | Số chứng từ: Q4/052/11

Người thanh toán: | Ngoại tệ: VND | Tỷ giá: 1

Diễn giải: Thanh lý xe ô tô Camry 16H- 5129

Cập nhật chi tiết | Cập nhật thuế GTGT

TK nợ	TK có	Mã ĐT	Tên ĐT	Tiền	Hạn TT	Khoản mục	Vụ việc	Mã số LCTT	Diễn giải
I 811	2114				0				Thanh lý xe ô tô

Thành tiền: 0,00

Tiền thuế: 0,00

Tổng cộng: 0,00

Alt+A Sang trang - F7 Nhận & In - F8 Xóa dòng - F9 Nhận - F10 Nhận & Mới - ESC Không nhận

Biểu số 2.34: Chứng từ ghi sổ Q4/052/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 21 tháng 12 năm 2011
Số CTGS: Q4/052/11 - Thanh lý xe ô tô
Camry 16H – 5129

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Hao mòn TSCĐ hữu hình	2141	2114	372.778.020
Chi phí khác	811	2114	230.476.600
TỔNG			603.254.620

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 21 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.35: Sổ cái TK 811

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Dư nợ đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 601.167.145

Phát sinh có: 601.167.145

Dư nợ cuối kỳ:

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
Q4/035/11	30/11/11	Thanh lý 5 bộ máy tính	2114	5.000.000		PKT 11/121	30/11/11
Q4/052/11	21/12/11	Thanh lý xe ô tô Camry 16H – 5129 cho ông Vũ Kiên Quyết	2114	230.476.600		PKT 12/088	19/12/11
Q4/132/11	31/12/11	Chi phí thanh lý xe ô tô con XN 4	13622	359.520.545		PKT 12/114	26/12/11
Q4/178/11	31/12/11	Phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	142	6.170.000		PKT 12/139	31/12/11
Q4/189/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí khác	911		601.167.145	KC 12/5	31/12/11

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Sau khi phản ánh bút toán ghi giảm TSCĐ, kế toán tiến hành phản ánh bút toán ghi nhận khoản doanh thu từ việc thanh lý xe ô tô 16H – 5129.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000411 lập ngày 21/12/2011 về việc thanh lý xe ô tô Camry 16H – 5129 cho Ông Vũ Kiên Quyết (Biểu số 2.36), kế toán tiến hành lập phiếu kế toán trên phần mềm theo định khoản:

Nợ TK 131: 405.000.000

Có TK 711: 368.181.818

Có TK 3331: 36.818.181

Phiếu kế toán được lập xong, số liệu sẽ tự động được đưa vào Phiếu phân tích tài khoản 131 phản ánh các khoản phải thu tháng 12/2011 (Biểu số 2.37).

Phiếu phân tích tài khoản 131 sẽ là căn cứ để lập Chứng từ ghi sổ Q4/054/11 (Biểu số 2.38) theo đường dẫn: “Kế toán tổng hợp / Đăng ký chứng từ ghi sổ”. Chứng từ ghi sổ sau khi được lập xong cũng sẽ tự động được phần mềm đưa dữ liệu vào Sổ cái tài khoản 711 (Biểu số 2.39) và đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.36: Hóa đơn GTGT 0000411

HÓA ĐƠN					
GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 3: hạch toán nội bộ				Mẫu số: 01GTKT3/001	
Ngày 21 tháng 12 năm 2011				Ký hiệu: AA/11P	
				Số: 0000411	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0200171429					
Địa chỉ: Số 1 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, TP Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3876424			Fax: 031.3876525		
Số tài khoản: 32110000000425			Tại: Ngân hàng BIDV Hải Phòng		
Họ tên người mua hàng: Ông Vũ Kiên Quyết – Tổng giám đốc					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Số 1, Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, TP Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Số tài khoản:					
STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐV TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Thanh lý xe ô tô Camry 16H – 5129	Chiếc	1	368.181.818	368.181.818
	/				
Cộng tiền hàng:					368.181.818
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>					Tiền thuế GTGT: 36.818.181
Tổng cộng tiền thanh toán:					405.000.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm linh năm triệu đồng chẵn</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu số 2.37: Phiếu phân tích tài khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

PHIẾU PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/054/11 – Phải thu tháng 12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 131	Ghi có các TK			
Số hiệu	Ngày			TK3331	TK5111	TK5112	TK 711
.....
PKT 12/41	6/12/11	Phải thu tiền CT nhà máy sợi Đình Vũ	1.000.000.000	90.909.090		909.090.909	
PKT 12/53	9/12/11	Phải thu tiền CT hệ thống chiếu sáng Vsip Hải Phòng	2.160.876.313	196.443.301		1.964.433.012	
PKT 12/62	11/12/11	Phải thu NH nông nghiệp tiền thuê mặt bằng đặt máy ATM	12.000.000	1.090.909	10.909.091		
.....
PKT 12/90	21/12/11	Phải thu tiền thanh lý xe ô tô 16H – 5129 của ông Vũ Kiên Quyết	405.000.000	36.818.182			368.181.818
.....
		Tổng cộng	4.192.213.671	381.110.334	535.044.916	2.873.523.921	402.534.500

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 2.38: Chứng từ ghi sổ Q4/054/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số CTGS: Q4/054/11 - Phải thu tháng 12/2011

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	131	3331	381.110.334
Doanh thu bán hàng hóa	131	5111	535.044.916
Doanh thu sản xuất kinh doanh xây lắp	131	5112	2.873.523.921
Thu nhập khác	131	711	402.534.500
TỔNG			4.192.213.671

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.39: Sổ cái TK 711

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Dư có đầu kỳ:

Phát sinh nợ: 762.055.045

Phát sinh có: 762.055.045

Dư có cuối kỳ:

Chứng từ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
Q4/054/11	31/12/2011	Phải thu tiền điện truy thu từ tháng 7 đến tháng 10	131		34.352.682	PKT 12/74	15/12/11
Q4/054/11	31/12/2011	Phải thu tiền thanh lý xe ô tô 16H – 5129 của ông Vũ Kiên Quyết	131		368.181.818	PKT 12/90	21/12/11
Q4/133/11	31/12/2011	Thu nhập do thanh lý xe ô tô của xí nghiệp 4	1364		359.520.545	PKT 12/115	26/12/11
Q4/190/11	31/12/2011	Kết chuyển thu nhập khác	911	762.055.045		KC 12/6	31/12/11

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

2.2.6.1. Nội dung của kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Cuối năm kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính sang bên Nợ TK 911.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK421. Trường hợp này gặp khi công ty kinh doanh bị lỗ.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ rằng trong kỳ, công ty kinh doanh có lãi. Lúc này, kế toán phải xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{PS bên Có TK 911} - \text{PS bên Nợ TK911}$$

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Khi xác định được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập đã tạm nộp trong kỳ để tính ra số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp hay được ghi giảm.

Lợi nhuận chưa phân phối của công ty chính là phần còn lại của thu nhập chịu thuế sau khi trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước và nó được thể hiện bằng bút toán kết chuyển sang bên Có của TK 421.

2.2.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Bút toán kết chuyển
- Tài khoản sử dụng
 - TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 - TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.3. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản có liên quan, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ để lập Báo cáo tài chính. Kế toán tiến hành thực hiện thao tác kết chuyển tự động trên phần mềm để kết chuyển doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác, chi phí khác vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp

2.2.6.4. Ví dụ minh họa

Xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2011

Cuối tháng, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển trên phần mềm máy tính theo đường dẫn: “Kế toán tổng hợp / Kết chuyển tự động” (Biểu số 2.40). Sau khi thực hiện xong bút toán kết chuyển, trong danh sách Chứng từ kết chuyển sẽ hiện lên toàn bộ các nghiệp vụ đã được kết chuyển mà phần mềm đã thực hiện.

Sau khi tiến hành xong các thao tác để thực hiện bút toán kết chuyển, kế toán lựa chọn phân hệ “Đăng ký chứng từ ghi sổ” trong phân hệ “Kế toán tổng hợp” để lập các Chứng từ ghi sổ phản ánh các bút toán kết chuyển (Biểu số 2.41 đến 2.50). Khi các chứng từ phản ánh bút toán kết chuyển được thực hiện xong, phần mềm sẽ tự động đưa dữ liệu vào Sổ cái tài khoản 911 (Biểu số 2.51), 421 (Biểu số 2.52) và các tài khoản có liên quan khác. Cuối cùng, tất cả các chứng từ đó sẽ tự động được đăng ký vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.53).

Biểu số 2.40: Giao diện màn hình chọn bút toán kết chuyển tự động



Biểu số 2.41: Chứng từ ghi sổ Q4/185/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/185/11 - Kết chuyển giá vốn
quý 4/2011

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn quý 4/2011	911	632	91.881.176.519
TỔNG			91.881.176.519

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.42: Chứng từ ghi sổ Q4/186/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/186/11 - Kết chuyển doanh thu
quý 4/2011

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu quý 4/2011	511	911	94.406.556.929
TỔNG			94.406.556.929

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.43: Chứng từ ghi sổ Q4/187/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/187/11 - Kết chuyển doanh thu
hoạt động tài chính

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	80.702.104
TỔNG			80.702.104

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.44: Chứng từ ghi sổ Q4/188/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/188/11 - Kết chuyển chi phí tài chính

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	445.154.381
TỔNG			445.154.381

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.45: Chứng từ ghi sổ Q4/189/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/189/11 - Kết chuyển chi phí khác

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	601.167.145
TỔNG			601.167.145

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.46: Chứng từ ghi sổ Q4/190/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/190/11 - Kết chuyển thu nhập khác

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	762.055.045
TỔNG			762.055.045

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.47: Chứng từ ghi sổ Q4/191/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/191/11 - Kết chuyển chi phí
quản lý doanh nghiệp

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.336.269.832
TỔNG			1.336.269.832

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.48: Chứng từ ghi sổ Q4/192/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/192/11 - Xác định chi phí thuế
TNDN hiện hành

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Xác định chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	3334	246.386.550
TỔNG			246.386.550

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.49: Chứng từ ghi sổ Q4/193/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/193/11 - Kết chuyển chi phí thuế
TNDN hiện hành

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	911	8211	246.386.550
TỔNG			246.386.550

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.50: Chứng từ ghi sổ Q4/194/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2011

Số CTGS: Q4/194/11 - Kết chuyển lãi

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lãi	911	421	739.159.651
TỔNG			739.159.651

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.51: Sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Số dư đầu kỳ:
Phát sinh nợ: 95.249.314.078
Phát sinh có: 95.249.314.078
Số dư cuối kỳ:

Chứng từ ghi số		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: DNT	26.152.497.244		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: VPCTY	6.416.337.123		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XN1	1.866.049.284		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XN2	2.873.302.780		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XN4	16.797.792.691		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XN5	11.557.023.764		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XN6	18.505.183.585		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XN7	1.636.516.638		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XNXD	4.379.459.009		KC 12/1	31/12/11
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632: XNTK	1.697.014.401		KC 12/1	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu bán điện	5113		25.131.239.937	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5111: VPCTY		535.044.916	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5111: XNXD		1.003.843.951	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: DNT		1.298.744.534	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: VPCTY		6.458.850.568	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XN1		1.946.397.153	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XN2		3.010.529.398	KC 12/2	31/12/11

Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XN4		17.061.274.750	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XN5		15.346.846.180	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XN6		19.042.957.523	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XN7		1.712.576.767	KC 12/2	31/12/11
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu	5112: XNTK		1.858.251.244	KC 12/2	31/12/11
Q4/187/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		80.702.104	KC 12/3	31/12/11
Q4/188/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí tài chính	635	445.154.381		KC 12/4	31/12/11
Q4/189/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí khác	811	601.167.145		KC 12/5	31/12/11
Q4/190/11	31/12/11	Kết chuyển thu nhập khác	711		762.055.045	KC 12/6	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	6421	609.752.600		KC 12/7	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	6422	70.243.205		KC 12/7	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	6423	2.070.500		KC 12/7	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	6424	35.031.189		KC 12/7	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	6425	11.985.969		KC 12/7	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	6427	150.859.185		KC 12/7	31/12/11
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển CP QLDN	64281	456.327.184		KC 12/7	31/12/11
Q4/193/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	246.386.550		KC 12/8	31/12/11
Q4/194/11	31/12/11	Kết chuyển lãi	421	739.159.651		KC 12/9	31/12/11

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Biểu số 2.52: Sổ cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG
Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011
Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Dư có đầu kỳ: 783.696.452
Phát sinh nợ:
Phát sinh có: 739.159.651
Dư có cuối kỳ: 1.522.856.103

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tk đ/ư	PS Nợ	PS Có	Chứng từ	
Số hiệu	Ngày					Số hiệu	Ngày
Q4/194/11	31/12/11	Kết chuyển lãi quý 4/2011	911		739.159.651	KC 12/9	31/12/11

Ngày...tháng...năm...

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu số 2.53: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Số 1 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Quý 4/2011

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày		
.....
Q4/052/11	21/12/11	Thanh lý xe ô tô Camry 16H – 5129	603.254.620
.....
Q4/054/11	31/12/11	Phải thu tháng 12/2011	4.192.213.671
.....
Q4/125/11	31/12/11	Tiền lương phải trả công nhân viênđội XLĐ3	44.700.000
Q4/126/11	31/12/11	Cổ tức phải thu năm 2011 của CT TNHH TĐH HECICO	62.498.102
Q4/127/11	31/12/11	Tiền lương phải trả công nhân viênđội XLĐ3	139.103.914
.....
Q4/139/11	31/12/11	Tiền lương phải trả quý 4/2011	623.459.100
Q4/140/11	31/12/11	Giá vốn công trình bàn giao văn phòng công ty	6.416.337.123
Q4/141/11	31/12/11	Thuế VAT đầu ra quý 4/2011	8.360.008.616
.....
Q4/148/11	31/12/11	Thu tiền mặt tháng 12/2011	13.254.191.532
Q4/149/11	31/12/11	Chi tiền mặt tháng 12/2011	17.774.046.616
Q4/150/11	31/12/11	Thu tiền tháng 12/2011 – NH BIDV Hải Phòng	11.303.357.850
Q4/151/11	31/12/11	Chuyển tiền tháng 12/2012 – NH BIDV Hải Phòng	18.020.668.578
Q4/152/11	31/12/11	Vay ngắn hạn tháng 12/2012 – NH BIDV Hải Phòng	5.549.983.739
.....
Q4/185/11	31/12/11	Kết chuyển giá vốn công trình quý 4	91.881.176.519
Q4/186/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu quý 4	94.406.556.929
Q4/187/11	31/12/11	Kết chuyển doanh thu tài chính	80.702.104

Q4/188/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí tài chính	445.154.381
Q4/189/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí khác	601.167.145
Q4/190/11	31/12/11	Kết chuyển thu nhập khác	762.055.045
Q4/191/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	1.336.269.832
Q4/192/11	31/12/11	Xác định thuế TNDN hiện hành	246.386.550
Q4/193/11	31/12/11	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành	246.386.550
Q4/194/11	31/12/11	Kết chuyển lãi	739.159.651
		TỔNG	2.068.954.017.901

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm
Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Sau khi thực hiện các bút toán khóa sổ để xác định kết quả kinh doanh quý 4/2011, kế toán tiến hành thao tác trên máy tính để lập các Báo cáo tài chính cho công ty. Dưới đây là Báo cáo kết quả kinh doanh quý 4/2011 của Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng (Biểu số 2.54):

Biểu số 2.55: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Mẫu số B02a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Quý VI/2011**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý VI	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	94.406.556.929	70.425.453.322
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		94.406.556.929	70.425.453.322
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	91.881.176.519	68.410.067.374
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.525.380.410	2.015.385.948
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	80.702.104	122.733.512
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	445.154.381	375.372.925
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.336.269.832	1.100.053.862
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(24+25))	30		824.658.301	662.692.673
11.Thu nhập khác	31		762.055.045	24.219.366
12.Chi phí khác	32		601.167.145	31.985.341
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		160.887.900	-7.765.975
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		985.546.201	654.926.698
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	246.386.550	163.731.675
16.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		739.159.651	491.195.023
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Ngày 02 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN HẢI PHÒNG****3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.**

Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong lĩnh vực xây lắp, luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh nên đã có một chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các doanh nghiệp không thích nghi được với những điều kiện khắc khe đó sẽ dẫn đến nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được trong suốt hơn 35 năm hoạt động, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế.

Công ty luôn cố gắng duy trì tốt mối quan hệ với các đối tác làm ăn có uy tín, cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên. Chính vì vậy, doanh thu hàng năm của Công ty tăng lên rõ rệt. Đó chủ yếu là do sự sáng tạo, năng động của Ban giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên Công ty.

Qua quá trình được thực tập và tìm hiểu về Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức quản lý.

Bộ máy quản lý của Công ty năng động, hợp lý, các bộ phận chức năng được tổ chức chặt chẽ, phân công phân nhiệm rõ ràng và hoạt động có hiệu quả, mô hình hạch toán khoa học, tiện lợi, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường

❖ Về bộ tổ chức máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp; đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng, tránh sai sót; đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết, chính xác.

❖ Hệ thống chứng từ kế toán

Việc xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của Công ty được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, từng công trình, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

❖ Hình thức kế toán áp dụng

Công ty hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán máy vận dụng mẫu số của hình thức Chứng từ ghi sổ hoàn toàn phù hợp với quy mô, loại hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc ứng dụng máy vi tính, phần mềm kế toán vào phục vụ công tác kế toán là một thuận lợi rất lớn bởi khối lượng nghiệp vụ phát sinh nhiều nhưng lại được vào sổ đầy đủ, tính toán chính xác và đơn giản trong việc thường xuyên kiểm tra lại các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh. Đồng thời, nó còn góp phần tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức cho các nhân viên kế toán mà vẫn đảm bảo cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời phục vụ cho công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và công tác kế toán của Công ty nói chung.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trải qua một quá trình phát triển Công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy định mới của Bộ tài chính.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty với những nguyên tắc trong hạch

toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép đầy đủ, chính xác, chi tiết và đảm bảo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí. Đồng thời, việc tập hợp các khoản mục doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh luôn được thực hiện kịp thời và chính xác.

3.1.2. Nhược điểm

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả, tuân thủ chế độ kế toán. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan mà công tác kế toán vẫn còn một số điểm chưa hoàn thiện.

❖ Về áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Hiện tại, Công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,...Điều này ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng, không khuyến khích được các khách hàng có năng lực tài chính thanh toán sớm nên Công ty không rút ngắn được vòng quay vốn.

❖ Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Đã từ lâu việc thu hồi các khoản nợ là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý và đặc biệt là trong điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn như những năm vừa qua. Tính đến cuối năm 2011, số tiền phải thu của khách hàng lên tới hơn 4 tỷ đồng. Bởi vậy, Công ty nên tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi để tránh rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán nợ.

❖ Về việc so sánh sự biến động của doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Công ty có quy mô lớn và hoạt động trên khá nhiều lĩnh vực nhưng công tác kế toán trong Công ty mới chỉ dừng lại ở việc tính toán và đánh giá khái quát tình hình tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán mà chưa tiến hành phân tích sự biến động của doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để tìm ra phương án nhằm quản lý tốt các khoản mục chi phí.

❖ Về quá trình luân chuyển chứng từ

Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận, phòng ban về cơ bản là đúng trình tự. Tuy nhiên, trong quá trình luân chuyển, giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ, điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hay thất lạc.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.**3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, vấn đề tăng cường hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng luôn là vấn đề cấp thiết được đặt ra tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy, yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết và tất yếu, nhưng để đảm bảo tính khoa học trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì các biện pháp hoàn thiện phải có tính khả thi, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do đó, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng cần đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý của doanh nghiệp mà nó còn là công cụ quản lý tài chính rất quan trọng của Nhà nước. Nhưng việc Nhà nước ban hành các cơ chế và quy định chỉ ở mức độ tổng hợp và mang tính hướng dẫn. Còn khi áp dụng vào các doanh nghiệp, bộ phận kế toán cần vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt, tránh máy móc nhưng vẫn tuân thủ tính trung thực và chính xác.

2. Hoàn thiện dựa trên nguyên tắc tiết kiệm tối đa chi phí, giảm nhẹ công tác kế toán mà vẫn đảm bảo được tính khoa học, hiệu quả của công tác kế toán nói chung.

3. Hoàn thiện dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bởi mỗi doanh nghiệp cho dù là hoạt động trong cùng lĩnh vực, ngành nghề đều có những đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau. Do đó, việc vận dụng chế độ kế toán sao cho phù hợp với ngành nghề, trình độ sản xuất, điều kiện vật chất và quy mô của doanh nghiệp là rất cần thiết.

3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng.

❖ Kiến nghị 1: Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng tuy là một khoản chi phí của mỗi doanh nghiệp nhưng nó lại có hiệu quả khá tích cực trong việc tăng cường công tác thu hồi vốn, nâng cao hiệu quả thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng và giữ khách hàng trung thành, tạo lợi thế với đối thủ cạnh tranh của doanh nghiệp. Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ tác động vào tâm lý khách hàng, giúp cho khách hàng thanh toán tiền hàng nhanh chóng trước hạn, tránh tình trạng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài. Mặt khác, nó còn kích thích nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đem lại lợi ích lâu dài về mặt doanh thu cũng như đảm bảo lượng khách hàng thường xuyên, khách hàng trung thành cho doanh nghiệp.

➤ Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được Công ty xây dựng dựa trên hiện trạng cũng như thực tế hoạt động kinh doanh và quản lý chi phí của Công ty nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, có sự tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng. Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, Công ty cần lưu ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng không nên quá nhỏ khiến nó không phát huy tác dụng kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.

- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản thu nhưng các khoản chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận. Công ty cần xem xét liệu chi phí đầu tư khoản phải thu có bù đắp được thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

- Áp dụng chiết khấu thanh toán còn tùy thuộc vào chiến lược kinh doanh cũng như đường lối xây dựng quy mô công ty trong dài hạn của ban lãnh

đạo. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán có thể thay đổi trong ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo điều kiện thực tế và sự thay đổi trong quy mô công ty và hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu phù hợp. Tính đến hết năm 2011, nợ phải thu của khách hàng là 4.148.322.063đ và chủ yếu là các khoản phải thu từ các công trình xây lắp điện, các công trình xây dựng. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ này nằm trong khoảng từ 1 tháng đến 6 tháng tùy theo giá trị công trình. Bên cạnh đó, năm 2011 là một năm tương đối khó khăn với các doanh nghiệp trong việc tìm nguồn vay để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Dựa vào tình hình thực tế đó, theo em Công ty nên xây dựng một mức chiết khấu thanh toán hợp lý nhằm góp phần đẩy nhanh công tác thu hồi vốn. Mức chiết khấu thanh toán của mỗi năm sẽ khác nhau, tùy thuộc vào giá trị các khoản nợ, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất ngân hàng trong năm. Cụ thể, Công ty có thể đưa ra mức chiết khấu thanh toán cho năm 2011 như sau (Biểu số 3.1):

Biểu số 3.1: Mức chiết khấu thanh toán năm 2011**BẢNG MỨC CHIẾT KHẤU THANH TOÁN NĂM 2011**

Thời hạn TT theo HĐ Thời hạn TT thực tế	Từ 1 đến 3 tháng		Từ 4 đến 6 tháng	
	Dưới 2 tỷ	Trên 2 tỷ	Dưới 2 tỷ	Trên 2 tỷ
Thanh toán trong 15 ngày đầu	1.5% - 1.7%	1.8% - 2%	3% - 3.2%	3.3% - 3.5%
Thanh toán trong 15 - 30 ngày đầu	1% - 1.2%	1.3% - 1.5%	2.5% - 2.7%	2.8% - 3%
Thanh toán trong tháng thứ 2	0.5% - 0.6%	0.7% - 0.8%	2% - 2.2%	2.3% - 2.5%
Thanh toán trong tháng thứ 3	-	-	1.5% - 1.7%	1.8% - 2%
Thanh toán trong tháng thứ 4	-	-	1.1% - 1.2%	1.3% - 1.5%
Thanh toán trong tháng thứ 5	-	-	0.6% - 0.7%	0.8% - 0.9%

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí tài chính.

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 111,112,131,...

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chi phí tài chính

❖ **Kiến nghị 2: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập các khoản phải thu khó đòi để tránh rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139, tuy nhiên mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi dành cho các khoản nợ có tính rủi ro cao, nên có thời hạn trên 1 năm với các khoản nợ quá hạn. Thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính quy định mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng sau đây:

- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ,...

➤ ***Căn cứ để ghi nhận nợ là một khoản phải thu khó đòi là:***

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

➤ ***Phương pháp xác định***

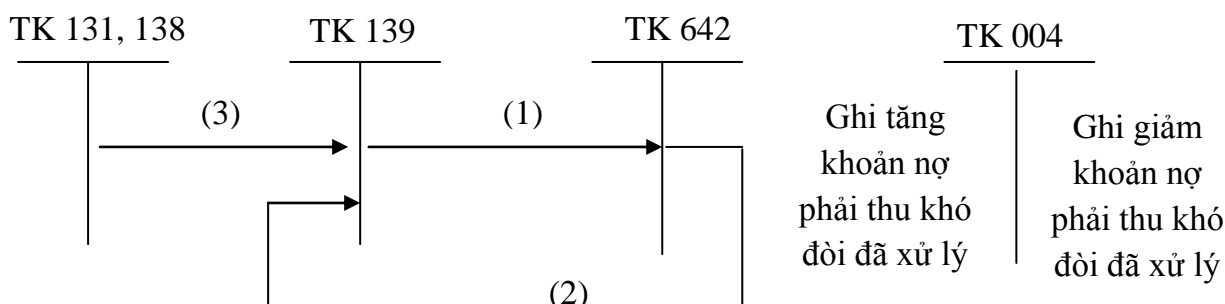
- Cách 1: Có thể ước tính một tỷ lệ nhất định (theo kinh nghiệm) trên tổng doanh số bán chịu

$$\text{Số dự phòng phải lập} = \text{doanh số phải thu} \times \text{tỷ lệ ước tính}$$

- Cách 2: Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kê cả bằng phương pháp xác minh để xác định số dự phòng cần lập theo số khả năng % mất.

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ *Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi:*



(1) : Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm

(2) : Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí

(3) : Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ (việc xóa nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi.



Kiến nghị 3:

So sánh sự biến động của doanh thu, chi phí nhằm góp phần tăng cường công tác quản lý chi phí.

Thực tế trong doanh nghiệp muốn góp phần tăng cường công tác quản lý chi phí thì phải căn cứ vào sự biến động của khoản mục doanh thu, chi phí và lợi nhuận trong từng năm. Nếu doanh thu, chi phí tăng và lợi nhuận tăng tương ứng thì có thể coi doanh nghiệp quản lý chi phí hiệu quả. Nhưng nếu doanh thu, chi phí và lợi nhuận có mức tăng không tương đồng hay nói cách khác, chi phí và

doanh thu có mức tăng lớn hơn quá nhiều so với mức tăng của lợi nhuận thì cần cân đối lại và điều chỉnh trong việc quản lý và sử dụng chi phí. Bởi vậy, cuối mỗi kỳ kế toán, Công ty nên tiến hành so sánh sự biến động của doanh thu, chi phí trong năm để từ đó đưa ra những phương hướng và biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả quản lý chi phí.

Biểu số 3.2: Tình hình biến động của doanh thu, chi phí và lợi nhuận

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN
TRONG 3 NĂM 2009 - 2010 - 2011

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch năm 2010 - 2009		Chênh lệch năm 2011 - 2010	
				+	-	+	-
1.Doanh thu thuần	108.720.337.865	150.425.453.322	213.092.841.382	41.705.115.457	38,36%	62.667.388.060	41,66%
2.Doanh thu HĐTC	112.934.187	242.733.512	509.947.892	129.799.325	114,93%	267.214.380	110,08%
3.Thu nhập khác	22.013.594	30.000.000	762.055.045	7.986.406	36,28%	732.055.045	2338,11%
A)Tổng doanh thu	108.855.285.646	150.698.186.834	214.364.844.319	41.842.901.218	38,44%	63.666.657.485	42,24%
4.Giá vốn hàng bán	105.629.721.377	146.340.067.374	207.388.178.690	40.710.345.997	38,54%	61.048.111.316	41,72%
5.Chi phí tài chính	299.461.287	875.372.925	1.235.019.757	575.911.638	192,32%	359.646.832	41,08%
6.Chi phí QLDN	1.230.550.134	1600.053.862	3.110.003.923	369.503.728	30,03%	1.509.950.061	94,37%
7.Chi phí khác	22.447.961	45.398.655	601.167.145	22.950.694	102,24%	555.768.490	1224,2%
B)Tổng chi phí	107.182.180.659	148.860.892.816	212.334.369.515	41.678.712.157	38,89%	63.473.476.699	42,64%
C)Tổng lợi nhuận	1.673.104.978	1.837.294.018	2.030.474.804	164.189.040	9,81%	193.180.786	10,51%

Qua bảng thể hiện tình hình biến động như trên (Biểu số 3.2), ta thấy tổng doanh thu qua 3 năm đều có mức tăng đáng kể: năm 2010 tăng 38,44% so với năm 2009 tương đương 41.842.901.218 đ; năm 2011 tăng 42,24% so với năm 2010 tương đương 63.666.657.485 đ. Đây là mức tăng tương đối lớn mà lý do chính là từ việc gia tăng các công trình xây lắp điện và công trình xây dựng trong năm.

Trong tình hình nền kinh tế đang gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp đi xuống và lâm vào tình trạng phá sản như hiện nay nhưng Công ty vẫn giữ được tốc độ tăng doanh thu vậy có thể coi là một tín hiệu đáng mừng. Nó thể hiện sự nỗ lực cố gắng không chỉ của ban lãnh đạo Công ty trong việc tìm kiếm và lựa chọn khách hàng mà còn là tinh thần trách nhiệm, miệt mài lao động của đội ngũ nhân viên, công nhân trong việc hoàn thành tốt công việc được giao, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Đó đều là những điều kiện cần thiết để xây dựng và củng cố lòng tin với khách hàng.

Tuy nhiên để đánh giá mức độ tăng doanh thu đó có thực sự nâng cao hiệu quả và lợi nhuận của doanh nghiệp hay không thì còn cần phải xem xét đồng thời sự biến động của chi phí. Song song với doanh thu, tổng chi phí của doanh nghiệp cũng có sự gia tăng đáng kể: năm 2010 tăng 38,89% so với năm 2009; năm 2011 tăng 42,64% so với năm 2010 và tương đương với 63.473.476.699đ. Như vậy, trong cả 2 năm 2010 và 2011, mức tăng của chi phí đều cao hơn mức tăng của doanh thu. Bên cạnh đó, tuy lợi nhuận có tăng lên qua 2 năm nhưng mức tăng của lợi nhuận không đáng kể. Trong khi tổng doanh thu và tổng chi phí đều có mức tăng rất lớn (năm 2010 là 38,44% và 38,89%; năm 2011 là 42,24% và 42,64%) thì mức tăng của lợi nhuận chỉ dừng lại ở con số 9,81% và 10,51%. Sự biến động không đồng đều giữa doanh thu, chi phí với lợi nhuận như trên đã cho thấy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

chưa tốt, mà phần lớn xuất phát từ việc tổ chức công tác quản lý chi phí cũng như những biện pháp tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả.

Từ những so sánh ban đầu về mức độ biến động của doanh thu, chi phí và lợi nhuận qua 3 năm 2009 - 2011, có thể thấy rằng công tác quản lý chi phí của công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng chưa thực sự hoàn thiện. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chi phí luôn là một bài toán khó với mọi doanh nghiệp. Do đó, những biện pháp nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí, giảm thiểu chi phí là điều rất cần thiết đối với Công ty, đặc biệt là trong giai đoạn kinh tế đang gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Trong tình hình đó, cá nhân em có những ý kiến đóng góp sau:

➤ Công ty nên tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên vật liệu có giá thành thấp mà vẫn đảm bảo chất lượng vừa để tiết kiệm chi phí vừa tránh lãng phí kinh phí, thời gian cũng như công sức khi chất lượng nguyên vật liệu không đảm bảo. Đồng thời giữ mối quan hệ hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp đó để có thể được hưởng những ưu đãi như mua chịu, hưởng các khoản chiết khấu... Việc làm này có thể góp phần giảm giá vốn hàng bán do quản lý tốt khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

➤ Thường xuyên kiểm tra và tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy móc thiết bị phục vụ các công trình để tránh ảnh hưởng đến tốc độ thi công các công trình cũng như tiền lương nhân viên của các bộ phận liên quan.

➤ Sử dụng và phân bổ hợp lý nguồn vốn đi vay cho các công trình, hạng mục, lĩnh vực hoạt động để tránh lãng phí nguồn vốn vay cũng như các khoản lãi phải trả do vay vốn.

➤ Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hợp lý, phù hợp với chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để rút ngắn vòng quay vốn.

➤ Theo dõi và đánh giá mức độ phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh tại văn phòng của các xí nghiệp, tổ đội. Tránh tình trạng doanh thu thấp nhưng các khoản chi phí phát sinh tại văn phòng quá lớn, phân bổ quá nhiều các chi phí đó vào giá thành công trình làm tăng giá vốn và giảm lợi nhuận.

➤ Thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên, nâng cao tay nghề cho công nhân hoặc tham gia học tại các cơ sở bên ngoài nếu Công ty không có điều kiện tổ chức.

➤ Có những chính sách đãi ngộ thích hợp với những nhân viên, công nhân có thành tích tốt hay những sáng kiến, đóng góp thiết thực trong việc tiết kiệm và quản lý chi phí.

❖ **Kiến nghị 4: Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ.**

Tại Công ty, cuối mỗi tháng, các tổ đội phải bàn giao sổ sách chứng từ cho phòng kế toán của Công ty để tiến hành hạch toán. Việc này diễn ra thường xuyên với một số lượng sổ sách lớn nên việc mất mát hay thất lạc chứng từ là không thể tránh khỏi. Nhưng trong quá trình luân chuyển chứng từ lại không có biên bản bàn giao nên đã gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hoặc thất lạc. Vì vậy, Công ty nên có Phiếu giao nhận chứng từ để đảm bảo việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận được dễ dàng và đảm bảo.

Mẫu Phiếu giao nhận chứng từ có thể được thiết kế như sau (Biểu số 3.3):

Biểu số 3.3: Phiếu giao nhận chứng từ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN HẢI PHÒNG

Số 1 – Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày ... tháng ... năm...

Stt	Loại chứng từ	Số hiệu	Số lượng	Bên giao	Bên nhận
...

Ngày ... tháng ... năm...

Đại diện bên giao
(Chức vụ, ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên nhận
(Chức vụ, ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, bài khóa luận đã đạt được những kết quả:

➤ *Về mặt lý luận*: hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành.

➤ *Về mặt thực tế*: trên cơ sở đó, bài khóa luận đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng trong một kỳ kế toán của năm 2011 theo chế độ kế toán hiện hành và từ đó thấy được những ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

+ *Về tổ chức bộ máy kế toán*: bộ máy kế toán được tổ chức một cách hệ thống, có kế hoạch và sự phối hợp chặt chẽ, hoạt động liên tục đảm bảo cung cấp các thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

+ *Về hệ thống chứng từ kế toán*: xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản được vận dụng theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

+ *Hình thức kế toán áp dụng*: áp dụng hình thức kế toán máy phù hợp với quy mô, loại hình và đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*: đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại Công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép đầy đủ, chính xác, chi tiết và đảm bảo nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí. Đồng thời, việc tập hợp các khoản mục doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh luôn được thực hiện kịp thời và chính xác.

Tuy nhiên Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

+ Công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, góp phần rút ngắn thời gian thu hồi vốn.

+ Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong khi các khoản nợ phải thu của Công ty trong năm là khá lớn

+ Chưa tiến hành so sánh sự biến động trong doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để thấy được mức độ hiệu quả của hoạt động trong kỳ, mức độ tăng lợi nhuận so với mức độ gia tăng doanh thu và chi phí trong kỳ để đưa ra các biện pháp nhằm quản lý tốt và tiết kiệm chi phí.

+ Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban diễn ra thường xuyên với số lượng lớn nhưng Công ty lại không có biên bản ghi nhận việc bàn giao chứng từ để quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị mất hoặc thất lạc.

Trên cơ sở phân tích và thấy được các ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng như trên, bài khóa luận đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh như sau:

- Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán tùy thuộc vào quy mô, thời gian thu hồi các khoản nợ cũng như mức lãi suất trên thị trường tại từng thời điểm

- Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

- Công ty nên tiến hành so sánh sự biến động của doanh thu, chi phí nhằm góp phần tăng cường công tác quản lý chi phí.

- Hoàn thiện quá trình luân chuyển chứng từ bằng cách sử dụng các Phiếu giao nhận chứng từ trong quá trình giao nhận.

Trên đây là toàn bộ nội dung bài khóa luận tốt nghiệp với đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện Hải Phòng”***.

Do kiến thức thực tế của bản thân còn hạn chế cộng với sự hạn chế trong thời gian nghiên cứu nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ, đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2008) – *Giáo trình kế toán tài chính*: NXB Tài chính.
2. Nguyễn Phú Giang (2007) – *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*: NXB Tài chính.
3. Trần Quý Liên, Phạm Thành Long, Trần Văn Thuận (2009) – *Nguyên lý kế toán*: NXB Tài chính.
4. Trần Hữu Thực (2006) – *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)*: NXB Tài chính.
5. Trần Hữu Thực (2006) – *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)*: NXB Tài chính.
6. Bùi Văn Trường (2008) – *Kế toán chi phí*: NXB Lao động – Xã hội năm 2008.
7. *Quyết định số 15* của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006.